

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN TẠI SỐ 9, ĐƯỜNG HỒ
TÙNG MẬU, PHƯỜNG HƯNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH,
TỈNH NGHỆ AN

TP. Vinh, tháng 10/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

----- *** -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN TẠI SỐ 9, ĐƯỜNG HỒ
TÙNG MẬU PHƯỜNG HƯNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH,
TỈNH NGHỆ AN



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN
GIAO TẾ NGHỆ AN

[Handwritten signature]

LÊ ĐỨC HẢI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MỎ VÀ
MÔI TRƯỜNG THÀNH PHÁT



[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Tuấn

TP Vinh, tháng 10/2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH	iv
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	28
1.1. Tên chủ cơ sở:	28
1.2. Tên cơ sở:	28
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	30
1.3.1. Công suất, công nghệ của cơ sở	30
1.3.1.1. Công suất của cơ sở.....	30
1.3.1.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	31
1.3.1.3. Sản phẩm của cơ sở.....	31
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	31
1.4.1. Máy móc thiết bị	31
1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu	32
1.4.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác	32
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	33
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	36
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	36
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):	37
2.2.1. Đối với khí thải:	37
2.2.2. Đối với nước thải:	38
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	39
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	39
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.	39
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.	40
3.1.3. Xử lý nước thải.....	41
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.	41
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	42

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.	43
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.	44
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	45
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường: không.....	47
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	48
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	48
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	48
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 82,7m ³ /ngày.đêm.....	48
4.1.3. Dòng nước thải.....	48
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	48
4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	49
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	49
4.2.1. Nguồn phát sinh:	49
4.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	49
4.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:.....	50
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	53
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	53
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	53
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	53
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ).....	53
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	54
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	55
PHỤ LỤC BÁO CÁO	56

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT:	Bộ Tài Nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CBNV:	Cán bộ nhân viên
COD:	Nhu cầu oxy hóa học
CP:	Chính phủ
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
HTXL:	Hệ thống xử lý
NĐ:	Nghị định
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp tọa độ ranh giới khu đất.....	28
Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị	31
Bảng 1.3. Bảng tổng hợp khối lượng nước năm 2023	33
Bảng 1.4. Các hạng mục công trình của cơ sở	34
Bảng 3.1. Danh mục hóa chất, chế phẩm vi sinh	41
Bảng 3.2. Chủng loại, khối lượng, mã chất thải nguy hại	43
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	48
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn (dBA).....	50
Bảng 4.3. Giới trị tối đa cho phép về độ rung	50
Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc.....	51
Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc.....	51
Bảng 5.3. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc.....	52

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện dự án	29
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa hiện tại của Khách sạn	39
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải.....	40

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

Công ty cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An

- Địa chỉ văn phòng: số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Lê Đức Hải, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- Điện thoại: 0238 3843175 Fax: 02383 596249;

- Giấy đăng ký kinh doanh số 2900597569 do Phòng đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 24/12/2003, thay đổi lần thứ 2, ngày 30/11/2012.

1.2. Tên cơ sở:

Khách sạn Giao tế Nghệ An

- Địa điểm cơ sở: số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 894642 ngày 20/5/2019 với diện tích 17.431,0m² có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp: Đường dân sinh, rộng 5m;
- + Phía Nam giáp: Đường Hồ Tùng Mậu rộng 39m;
- + Phía Đông giáp: Đường quy hoạch rộng 12m;
- + Phía Tây giáp: Khu dân cư khối 17, phường Hưng Bình.

Tọa độ ranh giới khu đất như sau:

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp tọa độ ranh giới khu đất

Tên điểm	X	Y	Tên điểm	X	Y
1	2065361,17	572241,87	6	2065343,23	572057,08
2	2065394,73	572201,67	7	2065263,22	572081,63
3	2065398,04	272198,96	8	2065267,52	572096,47
4	2065376,18	572143,42	9	2065237,74	572108,26
5	2065369,35	572126,58	10	2065276,77	572219,34



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện dự án

- Quyết định số 6187/QĐ.UBND-CNTM, ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng bình, tỉnh Nghệ An;
- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch vào vệ môi trường tại số 52/GXN-UBND, ngày 21/11/2016 do UBND thành phố Vinh cấp
- Quyết định số 1881/QĐ-UBND, ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng bình, tỉnh Nghệ An;
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch vào vệ môi trường tại số 05/GXN-STNMT, ngày 19/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP894642, ngày 20/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
- Căn cứ cấp GPMT thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Vinh: căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 86, khoản 2 Điều 39 và khoản d Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Cơ sở Khách sạn Giao tế Nghệ An thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và được đề nghị cấp cho từng giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải nên thuộc đối tượng cấp GPMT thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Vinh.
- Mẫu báo cáo được lập theo phụ lục XII (mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở nhóm III không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất, công nghệ của cơ sở

1.3.1.1. Công suất của cơ sở

- Theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND, ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng bình, tỉnh Nghệ An thì tổng diện tích khu đất: 17.428,50m² được giới hạn bởi đường nối các điểm 1, 2, 3,...,10 và 1 trong bản vẽ quy hoạch (giữ nguyên diện tích và ranh giới theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 6187/QĐ.UBND-CNTM ngày 25/12/2015). Trong đó:

- Diện tích xây dựng công trình: 8.987,98m²;
- Diện tích cây xanh, sân đường + bãi đỗ xe: 8.440,52m²;
- Mật độ xây dựng: 51,57%;
- Tầng cao: 02-18 tầng.
- Các hạng mục công trình bao gồm:

(1). Cổng vào chính;

(2). Cổng phụ;

(3). Khách sạn 5 sao, cao 18 tầng + 01 tầng hầm (chiều cao tối đa 60m, theo Quyết định phê duyệt quy hoạch số 6187/QĐ.UBND-CNTM ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh), diện tích XD: 3.293,57m² (xây dựng mới);

(4). Khách sạn hội nghị tiệc cưới, cao 02 tầng, diện tích XD: 4.066,17m² (đã xây dựng);

(5). Nhà hàng, cao 02 tầng, diện tích XD: 651,44m² (đã xây dựng);

(6). Khách sạn thương mại, cao 05 tầng (chiều cao tối đa 17m, theo Quyết định phê duyệt quy hoạch số 6187/QĐ.UBND-CNTM ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh), diện tích XD: 930,0m² (xây dựng mới);

(7). Bãi đỗ xe;

(8). Trạm biến áp treo;

(9). Khu xử lý nước thải (ngầm – xây dựng mới), diện tích XD: 46,8m²;

Theo Kế hoạch bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An xác nhận tại văn bản số 05/GXN-STNMT, ngày 19/10/2021 thì cơ sở được chia thành 03 giai đoạn đầu tư:

+ Giai đoạn I: từ quý IV/2016 - năm 2020;

+ Giai đoạn II: từ năm 2021 - 2030;

+ Giai đoạn III: từ năm 2030 trở đi.

Theo văn bản số 3046/STNMT-BVMT, ngày 10/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với khách sạn Giao tế Nghệ An thì báo cáo cấp giấy phép môi trường cho cơ sở khách sạn Giao tế Nghệ An được lập ở giai đoạn II: từ năm 2021 – 2023, với quy mô hoạt động như sau:

- Số lượng cán bộ công nhân làm ca: 100 người
- Số lượng cán bộ công nhân ở lại: 30 người
- Khách hàng đến tham dự sự kiện, ăn uống, làm việc: 3.400 người

1.3.1.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Do hoạt động của Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi, tổ chức sự kiện tiệc cưới cho người dân nên không có quy trình, công nghệ.

1.3.1.3. Sản phẩm của cơ sở

Công năng chính của dự án là phục vụ nhu cầu dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi, tổ chức sự kiện tiệc cưới cho người dân, cụ thể:

- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dài ngày với 195 phòng nghỉ hiện đại, tiện nghi;
- + Dịch vụ ăn uống và giải khát;
- + Dịch vụ xông hơi, massage, karaoke, thể dục;
- + Khách sạn thương mại quy mô 5 tầng kinh doanh các mặt hàng thời trang, thực phẩm đóng gói, đồ gia dụng, linh kiện, điện tử, điện lạnh, khu vui chơi giải trí;
- + Nhà hàng 2 tầng cung cấp dịch vụ ăn uống, liên hoan... với không gian hiện đại, sang trọng.

Với hoạt động chủ yếu là sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, khách hàng và kinh doanh dịch vụ khách sạn, khách sạn thương mại nên nguồn phát sinh chất thải chủ yếu của dự án là: nước thải, chất thải rắn.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Máy móc thiết bị

Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị

TT	Tên gọi	ĐVT	Số lượng
1	Hệ thống điều hòa	Hệ thống	150
2	Hệ thống báo cháy tự động	Hệ thống	4
3	Hệ thống chữa cháy	Hệ thống	4

4	Hệ thống camera	Hệ thống	4
5	Hệ thống chiếu sáng	Hệ thống	1
6	Máy tính	Bộ	10
7	Máy in	Chiếc	3
8	Máy photo	Chiếc	2
9	Quạt	Chiếc	50
10	Bình nóng lạnh	Bộ	30
11	Tủ lạnh	Chiếc	5
12	Quạt	Chiếc	25
13	Thiết bị máy bơm	Chiếc	1
14	Máy lọc nước	Chiếc	1
15	Máy phát điện	Chiếc	1

1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu

- Gas: sử dụng cho quá trình nấu nướng tại nhà bếp nhằm phục vụ ăn uống cho nhà hàng, khách sạn, tổ chức sự kiện tiệc cưới..., nhu cầu sử dụng khoảng 300 kg/tháng.

- Nhiên liệu phục vụ cho hoạt động của dự án dầu Diesel phục vụ chạy máy phát điện dự phòng. Dầu Diesel phục vụ cho quá trình chạy máy phát điện dự phòng, do máy phát điện chỉ sử dụng những thời điểm bị mất điện lưới nên không xác định được thời gian chạy máy cụ thể, vì vậy không thể định lượng được khối lượng dầu Diesel cụ thể. Ước tính, thời gian mất điện trong tháng là khoảng 1 ngày, tương đương 24 tiếng, lượng dầu tiêu thụ đối với máy phát điện tổng công suất 250KVA là khoảng 70 lít/giờ.

1.4.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác

a. Nguồn điện:

Nguồn điện cấp cho dự án được đấu nối từ dây DZK35KV từ trạm trung gian 110/35KV điện lực Vinh trên vỉa hè đường Hồ Tùng Mậu; cấp điện cho các công trình từ trạm biến áp treo 1.400 KVA-35/0,4KV bố trí sau khách sạn tổ chức hội nghị, tiệc cưới 2 tầng. Ngoài ra khi xảy ra mất điện thì toàn bộ các phụ tải của công trình sẽ được cấp nguồn từ hệ thống điện ưu tiên máy phát thông qua thiết bị chuyển nguồn tự động ATS. Máy phát điện có công suất 250kVA.

b. Nhu cầu sử dụng nước:

- Nguồn cấp nước được lấy từ mạng lưới đường ống cấp nước của thành phố dọc theo đường Hồ Tùng Mậu. Nước được dẫn vào bể ngầm của dự án sau đó bơm lên kết nước trên mái bằng máy bơm cao áp từ kết nước cấp xuống cho các tầng. Ngoài ra, Dự án còn sử dụng nguồn nước dưới đất cho các hoạt động vệ sinh, giặt giũ chăn ga...

- Nước cấp cho phòng cháy chữa cháy: Lưu lượng nước phòng cháy chữa cháy cho 2 đám cháy xảy ra đồng thời, thời gian chữa cháy 3 giờ, lưu lượng chữa cháy 2,5l/s cho một đám cháy, số họng tham gia chữa cháy là 2 họng, áp lực nước tự do chữa cháy là 20m. $Q_{cch} = (2,5 \times 2 \text{ họng} \times 3 \text{ giờ} \times 3600) / 1000 = 54m^3$

Căn cứ mục 2.10.2 của QCVN 01:2021/BXD, dự báo nhu cầu sử dụng nước của từng giai đoạn như bảng sau

Bảng 1.3. Bảng tổng hợp khối lượng nước năm 2023

TT	Đối tượng dùng nước	Đơn vị	Số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước	Lưu lượng (m ³ /ng.đ)
1	Nhân viên công ty làm ca	Người	100	50l/ng.đ	5,0
2	Nhân viên ở lại	Người	30	75l/ng.đ	2,25
3	Nước cấp cho nhà khách	Người	100	180l/ng.đ	18,0
4	Nước cấp cho khách sạn hội nghị tiệc cưới	Người	2.800	200l/ng.đ	56,0
5	Nước cấp cho nhà hàng	Người	300	20l/ng.đ	6,0
6	Nước cấp cho nhà ăn	Người	200	50l/ng.đ	10,0
Tổng Q					97,25

c. Nhu cầu xả thải:

Nước thải sinh hoạt được tính bằng 85% lượng nước cấp ($Q_{\text{Tổng}}$). Như vậy, lượng nước thải cần phải xử lý là: $Q_{\text{Thải}} = 97,25 \times 85\% = 82,7m^3/\text{ngày}$.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 894642 ngày 20/5/2019 với diện tích 17.431,0m² có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp: Đường dân sinh, rộng 5m;
- + Phía Nam giáp: Đường Hồ Tùng Mậu rộng 39m;

+ Phía Đông giáp: Đường quy hoạch rộng 12m;

+ *Phía Tây giáp: Khu dân cư khối 17, phường Hưng Bình.*

Mối quan hệ của dự án đối với các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội:

- Về giao thông: Phía Nam khu vực dự án có tuyến đường Hồ Tùng Mậu rộng 39m, nền đường rải bê tông nhựa nóng, vỉa hè lát gạch block, có đầy đủ hệ thống chiếu sáng. Hệ thống giao thông nội bộ được đổ bê tông bằng phẳng đảm bảo đi lại thuận tiện cho khách hàng. Phía Bắc dự án có đường dân sinh quy hoạch rộng 5m, phía Đông là đường quy hoạch rộng 12m. Đường bê tông xây mới, thuận lợi cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải xây dựng tránh ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Khu vực dự án cách QL1A khoảng 700m về phía Nam.

- Khu vực thực hiện dự án giáp khu dân cư khối 17, phường Hưng Bình về phía Tây

- Trong khu vực thực hiện dự án không có các công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử. Khu đất cách trạm khí tượng thủy văn, đền thờ vua Quang Trung 1,2km, cách núi Quyết 800m và sông Lam 1,6km về phía Tây Nam.

- Khu đất dự án cách UBND tỉnh Nghệ An khoảng 700m, Công an tỉnh Nghệ An khoảng 800m, công viên Nguyễn Tất Thành khoảng 800m về phía Đông Bắc. Công trình cách Bưu điện tỉnh Nghệ An khoảng 200m về phía Tây và cách công viên khách sạn 150m về phía Tây Nam. Khu vực dự án cách quảng trường Hồ Chí Minh 400m, các sở Kế hoạch và đầu tư, Sở lao động thương binh và xã hội, Sở y tế và Sở Xây dựng khoảng 800m về phía Đông. Dự án cách UBND thành phố Vinh khoảng 600m về phía Tây Nam.

- Các hạng mục công trình của cơ sở:

Bảng 1.4. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	Ghi chú
1	Khách sạn hội nghị tiệc cưới	8168,0	2	Đã xây dựng
2	Nhà hàng	1.200	2	Đã xây dựng
3	Cửa hàng SHB	96,1	1	
4	Nhà ruby 2 tầng	1351	2	
5	Nhà khách A1	434,8	3	
6	Nhà bếp	144,8	1	
7	Hội trường A1	431,3	1	

8	Nhà khách A	590,8	1	
9	Nhà văn phòng làm việc	155,6	2	
10	Sân tennis	644,2	-	
11	Kho CTNH	14	1	Đã xây dựng
12	Kho CTRTT	6	1	Đã xây dựng

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay, tỉnh Nghệ An cũng như thành phố Vinh chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. Khách sạn Giao Tế Nghệ An của Công ty cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An phù hợp với:

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022. Cơ sở không thuộc đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; nước thải, khí thải phát sinh tại Khách sạn được xử lý đạt chuẩn trước khi ra ngoài môi trường; chất thải rắn được thu gom, phân loại, lưu giữ và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Vì vậy, cơ sở phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

- Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cơ sở phù hợp với Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 6187/QĐ.UBND-CNTM, ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao Tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh.

- Quyết định số 1881/QĐ-UBND, ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao Tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh.

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: Khách sạn Giao Tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An số 52/GXN-UBND, ngày 21/11/2016 của UBND thành phố Vinh.

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: Khách sạn Giao Tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An số 05/GXN-STNMT, ngày 19/10/2021 của UBND thành phố Vinh.

- Quyết định số 918/QĐ.UBND-ĐT, ngày 25/3/2011 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 Khách sạn Metro Vinh tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thành phố Vinh được phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Khách sạn Giao Tế Nghệ An phù hợp với quy hoạch vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, cụ thể:

+ Khách sạn Giao Tế Nghệ An không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II thuộc Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

+ Khách sạn Giao Tế Nghệ An có nước thải sau xử lý được thu gom, xử lý và thoát ra nguồn tiếp nhận

+ Khách sạn Giao Tế Nghệ An không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử văn hóa;

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

2.2.1. Đối với khí thải:

Theo Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, trong giai đoạn hoạt động bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sau:

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khách sạn: Các loại phương tiện ra vào bao gồm: xe ô tô, xe máy của cán bộ và công nhân làm việc trong cơ sở, xe tải vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm. Khí thải bao gồm SO₂, NO_x, CO₂, VOC do quá trình đốt cháy nhiên liệu dầu diesel của động cơ. Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý để hạn chế đến mức thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động của các phương tiện này.

+ Từ hoạt động máy phát điện: hoạt động của khách sạn là liên tục, không thể ngừng khi mất điện. Chủ cơ sở trang bị máy phát điện để phòng trong trường hợp mạng lưới cấp điện khi có sự cố. Máy phát điện chỉ cấp cho vài khu vực chức năng trong trường hợp mất điện. Khí thải bao gồm SO₂, NO_x, CO₂, VOC do quá trình chạy máy phát điện.

+ Hoạt động của bếp nấu ăn phát sinh các khí gồm các loại khí sinh ra do đốt nhiên liệu và mùi dầu mỡ, thức ăn.

+ Hoạt động khác như xử lý nước cấp, nước thải, hệ thống điều hòa, sinh ra các khí ô nhiễm như: NH₃, H₂S, CH₄, mercaptan (RSH)...

Tuy nhiên, khí thải từ các hoạt động trên là không đáng kể, không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường chung khu vực khách sạn Giao tế Nghệ An.

Như vậy, hoạt động của khách sạn có phát sinh ra môi trường các loại bụi, khí thải, nhưng đều nằm trong khả năng chịu tải của môi trường. Nội dung này đã được đánh giá trong Bản kế hoạch bảo vệ môi trường và không thay đổi.

2.2.2. Đối với nước thải:

Khách sạn Giao tế Nghệ An có vị trí số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, hiện nay đã hết hạn. Theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An xác nhận thì lưu lượng nước thải của dự án xả thải tối đa ở giai đoạn này là $82,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Đặc trưng nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

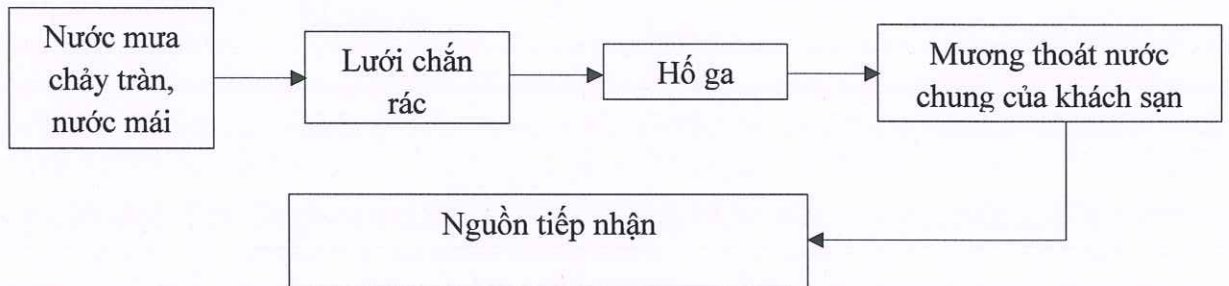
Công ty đã thỏa thuận đầu nối thoát nước với Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh với vị trí đầu nối NT-1: đầu nối nước thải vào mương thoát nước số 2, $B=4,5\text{m}$. Cống đầu nối sử dụng cống BTCT M200 tiết diện $B \times H=0,8 \times 1\text{m}$, chiều dài cống $L=4,2\text{m}$, chiều sâu đặt cống $H_{\text{tb}}=1,59\text{m}$; cao độ đáy cống đầu nối $+1,77\text{m}$ (cao hơn cao độ đáy cống thành phố $0,92\text{m}$)

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.

Thu gom, thoát nước mưa:



Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa hiện tại của Khách sạn

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn bao gồm các tuyến đường ống thoát nước mưa trên mái và các tuyến công thu gom, thoát nước mưa bao xung quanh tòa nhà và dọc các tuyến đường trong khuôn viên Khách sạn Giao tế Nghệ An.

- Tuyến ống thoát nước mưa trên mái: Nước mưa trên mái được thu qua hệ thống máng nước nổi trên mái và chuyển vào các ống đứng bằng nhựa PVC đặt dọc theo các trụ chịu lực chính bên ngoài công trình. Miệng các ống thu nước đứng trên máng nước được mở rộng gấp 1,4 lần so với đường kính ống thu nước.

- Các ống thoát nước mưa bằng ống PVC-D150 đặt nổi bên ngoài cột chịu lực chính có phần bao che phía ngoài và đặt ngầm dưới hè dẫn tới hệ thống thoát nước xung quanh công trình.

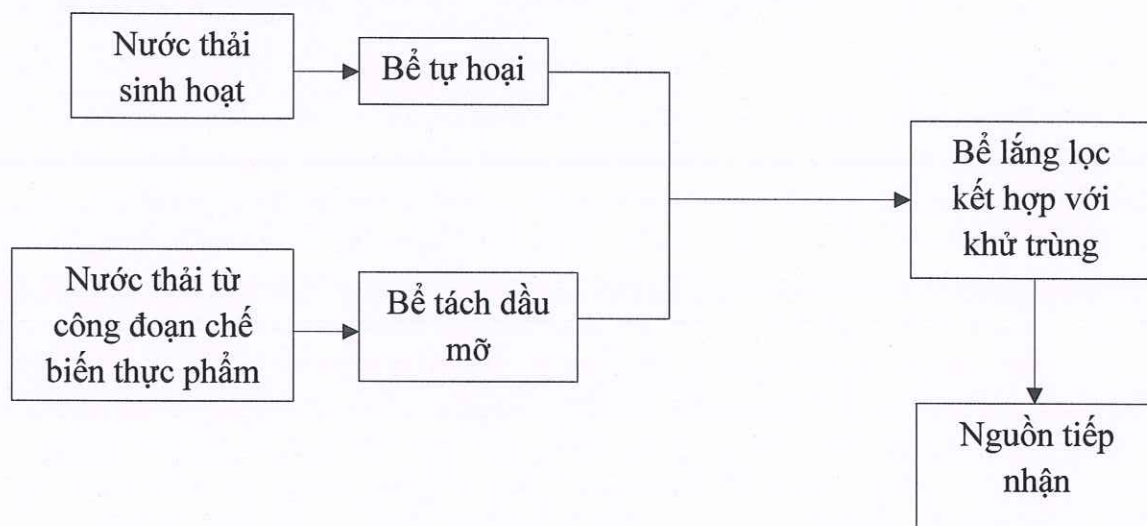
- Tuyến công thoát nước mưa chung: Hệ thống thoát nước mưa chung bao gồm các tuyến công bê tông cốt thép (BCCT) đặt ngầm chạy bao quanh khu vực tòa nhà, hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa khu vực gara và dọc các tuyến đường đi lại trong khuôn viên Khách sạn Giao tế Nghệ An. Kích thước của các mương thoát nước bề mặt 30x30cm chạy quanh có chiều dài 138,5m. Kích thước các công ngầm thu gom, thoát nước mưa dao động từ 50x50 và 70x70 tùy vị trí các tuyến công trình, có chiều dài 172m; độ dốc các tuyến công dao động trong khoảng 0,5-0,6%, bảo đảm kịp thời thoát nước mưa, tránh gây ú đọng trong khuôn viên Khách sạn Giao tế Nghệ An.

Trên các tuyến công thoát nước mưa chung, trung bình khoảng 17-31m (tùy tuyến công) lắp đặt 01 hố ga. Tổng khu vực cơ sở có 28 hố ga thoát nước mưa. Ngoài tác dụng thu nước, thay đổi độ dốc, dòng chảy trên các tuyến công thoát nước mưa, các hố ga còn có vai trò trong việc xử lý nước mưa chảy tràn (lắng) và bảo đảm thuận tiện cho việc nạo vét, vệ sinh hệ thống công.

Hệ thống công thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đổ ra 6 hố ga thăm có sẵn của hệ thống công thoát nước chung.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khách sạn MM Mega Vinh được xây dựng riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa.



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

Hệ thống thoát nước thải bao gồm các hệ thống thoát nước thải cho khu vệ sinh, hệ thống thoát nước thải khu vực chế biến thực ăn. Các hệ thống này chủ yếu tập trung tại các khu vực nhà vệ sinh, các khu vực hội trường, khách sạn tiệc cưới, nhà hàng... khu vực nhà bếp, chế biến thức ăn trong Khách sạn Giao tế Nghệ An.

Hệ thống thoát nước thải cho khu vệ sinh được thu gom, thoát qua sàn khu vệ sinh rồi dẫn trong các đường ống dẫn xuống các bể tự hoại trong khu vực bằng hệ thống đường ống DN 150.

Tương tự, hệ thống thoát nước thải chế biến thực phẩm (hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải cho khu vệ sinh) cũng được thu gom, dẫn về các bể tách mỡ trong khu vực bằng hệ thống đường ống DN100.

Toàn bộ lượng nước thải của Khách sạn Giao tế Nghệ An sau khi được xử lý sơ bộ chảy theo đường ống đến Bể lắng lọc 3 ngăn kết hợp với bể khử trùng ở phía đông cơ sở để tiếp tục xử lý đạt cột B theo QCVN 14:2008/BTNMT sẽ được chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng. Chủ cơ sở nộp phí thoát nước theo quy định của chính quyền địa phương

Công ty đã thỏa thuận đấu nối thoát nước với Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh với vị trí đấu nối NT-1: đấu nối nước thải vào mương thoát nước số 2, B=4,5m. Công đấu nối sử dụng công BTCT M200 tiết diện B*H=0,8*1m,

chiều dài cống $L=4,2\text{m}$, chiều sâu đặt cống $H_{tb}=1,59\text{m}$; cao độ đáy cống đầu nổi $+1,77\text{m}$ (cao hơn cao độ đáy cống thành phố $0,92\text{m}$).

3.1.3. Xử lý nước thải

Nước thải Khách sạn Giao tế Nghệ An chủ yếu là từ quá trình vệ sinh, chế biến thực phẩm và nước thải sinh hoạt... mức độ ô nhiễm không cao. Do đó, phương pháp thường được áp dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khách sạn Giao tế Nghệ An là xử lý bằng công nghệ bể lắng lọc cơ học kết hợp với khử trùng để xử lý đạt chuẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng. Chủ cơ sở nộp phí thoát nước theo quy định của chính quyền địa phương

Công ty đã thỏa thuận đầu nổi thoát nước với Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh với vị trí đầu nổi NT-1: đầu nổi nước thải vào mương thoát nước số 2, $B=4,5\text{m}$. Cống đầu nổi sử dụng cống BTCT M200 tiết diện $B*H=0,8*1\text{m}$, chiều dài cống $L=4,2\text{m}$, chiều sâu đặt cống $H_{tb}=1,59\text{m}$; cao độ đáy cống đầu nổi $+1,77\text{m}$ (cao hơn cao độ đáy cống thành phố $0,92\text{m}$).

Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An đã đầu tư xây dựng bể lắng lọc có công suất $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, các bể của hệ thống xử lý nước thải được đổ bê tông cốt thép Mác 200 với chiều dày thành bể 200mm , tại một số bể được đặt các thiết bị phục vụ cho xử lý nước thải.

Bảng 3.1. Danh mục hóa chất, chế phẩm vi sinh

STT	Hóa chất	Khối lượng
1	Clorin B	0,2kg/ngày

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

a. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do các phương tiện vận tải, giao thông

- Để hạn chế ảnh hưởng của bụi và khí thải đến môi trường không khí trong khu vực, Công ty đã xây dựng nhà xe tại gần cổng ra vào của Khách sạn Giao tế Nghệ An. Đây là biện pháp tích cực, làm giảm tối đa tác động đến môi trường không khí.

- Bố trí các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và các phương tiện giao thông đi lại của cán bộ công nhân viên ra vào Công ty hợp lý. Đối với các loại xe cá nhân khi ra vào cổng khách sạn phải tắt máy, dắt xe.

- Khi vận chuyển hàng hóa từ nơi cung cấp đến khu vực khách sạn, từ khách sạn đến nơi tiêu thụ, các phương tiện vận chuyển không sử dụng các phương tiện giao thông vận tải quá cũ, quá thời gian lưu hành và không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe.

- Sân, đường nội bộ được Công ty đổ bê tông, xung quanh khu vực khách sạn được trồng cây xanh.

- Thường xuyên vệ sinh đường nội bộ trong công ty.

b. Hạn chế tác động từ máy phát điện dự phòng

Khách sạn Giao tế Nghệ An sử dụng 01 máy phát điện có công suất 630 KVA. Máy phát điện chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện, lượng khí thải phát sinh không đáng kể. Mặt khác, thời gian gần đây hầu như không xảy ra mất điện nên máy phát điện hầu như không sử dụng, đây nguồn gây ô nhiễm này chỉ mang tính chất tạm thời, không thường xuyên. Vì vậy, Công ty sẽ không cần thực hiện các biện pháp kỹ thuật để xử lý lượng khí thải này. Tuy nhiên, để hạn chế tác động của máy phát điện, công ty đã có các biện pháp bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống ống hút khí thải, khói bụi cho máy phát điện.

- Thiết kế chiều cao của ống hút khí đảm bảo sao cho lượng khí thải này phát tán và pha loãng vào không khí và không để lan truyền vào môi trường không khí sát mặt đất. Chiều cao ống hút khói khoảng 5m.

c. Các biện pháp giảm ô nhiễm môi trường không khí khác

- Thường xuyên quét dọn đường, khuôn viên dự án.

- Thường xuyên được khơi thông, tạo dòng chảy, tránh hiện tượng tù đọng nhiều ngày sinh ra các mùi hôi thối ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan và sức khỏe khách và người dân.

- Định kỳ nạo vét Bùn tích tụ trong các ống thu gom và thoát nước mưa, nước thải, tránh để phát sinh các chất ô nhiễm không khí.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống thông hơi, hút khói trong khu vực nấu ăn của nhà bếp. Các ống khói có chiều cao đảm bảo khí, bụi không phát tán trong môi trường gần mặt đất. Thông thường các ống khói cao hơn chiều cao của tòa nhà, nơi đặt bếp nấu.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.

Do hoạt động của Khách sạn Giao tế Nghệ An là kinh doanh hàng hóa, thực phẩm... với số lượng cán bộ công nhân viên là 150 người và khách hàng. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh của Khách sạn là 2.419 kg/tháng. Chất thải rắn thông thường được thu gom, xử lý cụ thể như sau:

+ Chất thải thực phẩm (hoa quả hư hỏng, bã cà phê, đồ ăn thừa, hư hỏng...) phát sinh sẽ được công nhân vệ sinh thu gom vào các thùng đặt tại các khu vực công cộng, nhà bếp, đường giao thông, thùng có dung tích từ 24-50l, có lót túi, có nắp đậy và có màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hằng ngày, cuối buổi chiều

hoặc sáng sớm, công nhân vệ sinh sẽ thu gom tập trung chất thải về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của Khách sạn.

+ Chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế như vỏ lon, bao bì, giấy loại... được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng, nhà bếp, đường giao thông, thùng có dung tích 24-50l, có lót túi, có nắp đậy và có màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hằng ngày, cuối buổi chiều hoặc sáng sớm, công nhân vệ sinh sẽ thu gom tập trung chất thải về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của Khách sạn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng, nhà bếp, đường giao thông, thùng có dung tích 24-50l, có lót túi, có nắp đậy và có màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hằng ngày, cuối buổi chiều hoặc sáng sớm, công nhân vệ sinh sẽ thu gom tập trung chất thải về kho chứa chất thải tái chế để bán cho các đơn vị có nhu cầu.

+ Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt bố trí có diện tích 6m², phía Đông Bắc của Khách sạn Giao tế Nghệ An, có mái che bằng tôn, nền được đổ bê tông, cao ráo.

+ Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại theo mã số QLCTNH số 40.00190.T. Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 39kg/năm gồm:

Bảng 3.2. Chủng loại, khối lượng, mã chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Kí hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	NH	08
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	20
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn	08 02 01	NH	1
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử	Rắn	19 02 06	NH	10

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Kí hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
	không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)				
Tổng					38

Chất thải nguy hại sẽ được thu gom vào 04 thùng 50l và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại, kho có diện tích 10m², bố trí tại phía Tây Bắc Khách sạn. Chủ đầu tư đã thực hiện quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An là đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Công ty đã xây dựng kho CTNH dạng kho kín, có cửa khóa, tường được xây gạch, da, sơn chống thấm, mặt nền cao hơn so với mặt sân, mặt sàn trong kho đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị dụng cụ, thiết bị PCCC, cát khô, có khóa, có biển báo...; trong kho có 8 thùng chứa chất thải nguy hại có gắn các mã theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT; bên ngoài có biển dấu hiệu cảnh báo đảm bảo kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Trồng nhiều bồn hoa, cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên cơ sở.
- Máy phát điện cần được đặt trên đế cao su dày, trang bị các họng tiêu âm nhằm tiêu âm cho máy, hạn chế được tiếng ồn đối với môi trường xung quanh.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân: Nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động, đặc biệt tại những vị trí làm việc có mức ồn cao.
- Bố trí chế độ làm việc, nghỉ ngơi hợp lý cho các công nhân trực tiếp làm việc trong các khu vực có tiếng ồn lớn và rung động, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Tất cả các phương tiện giao thông của khách đều phải gửi trong bãi xe của khu vực. Bãi giữ xe của dự án được đặt gần cổng ra vào để hạn chế tối đa tiếng ồn phát sinh.

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào cơ sở hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu; phân công cán bộ điều khiển xe ra vào nhà máy để tránh trường hợp bị ùn tắc.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Tổ chức mạng lưới đường ống, hệ thống PCCC

- Mạng lưới tuyến ống chính được tổ chức theo mạng vòng để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục.

- Mạng lưới cấp nước là mạng lưới cấp nước sản xuất kết hợp cấp nước chữa cháy áp lực thấp: Ống cấp nước sinh hoạt cho các công trình phụ trợ là các đường ống nhựa HDPE D32,40,50,65, 80,100 bơm hút từ bể chứa nước sinh hoạt tới khu vực kho, các điểm tiêu thụ nước đều được bố trí các hộp đồng hồ đo áp và lưu lượng.

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của kho như nóc nhà.

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dượt chữa cháy cho công nhân, cán bộ quản lý vận hành sẽ được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

- Các thiết kế về hệ thống PCCC tại dự án cần phải được các cơ quan chức năng thẩm định theo quy định, đảm bảo các yêu cầu về an toàn trước khi dự án đi vào vận hành.

b. Phòng chống cháy do dòng điện quá tải

- Khi thiết kế chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện.

- Khi sử dụng không dùng thêm quá nhiều dụng cụ tiêu thụ điện có công suất lớn ngoài tính toán thiết kế.

- Những nơi cách điện bị dập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới.

- Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role...

c. Phòng chống cháy do chập mạch

- Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại sẽ bị mòn, vì vậy cắm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện.

- Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn... phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.

d. Phòng chống cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở)

- Để phòng chống cháy do nối dây không tốt, các điểm nối dây phải đúng kỹ thuật.

- Khi thấy nơi quần băng dính bị khô và cháy sáng thì phải kiểm tra ngay và nối chặt lại điểm nối. Không được co kéo dây điện hay treo các vật nặng lên dây. Đường dây dẫn điện, các cầu chì, cầu dao không để bị gỉ, nếu bị gỉ thì nơi gỉ là nơi phát nhiệt lớn.

e. Biện pháp chữa cháy thiết bị điện

Trước khi chữa cháy thiết bị điện phải ngắt nguồn điện. Nếu cháy nhỏ có thể dùng bình CO₂ để cứu chữa. Khi đám cháy đã phát triển lớn thì tùy tình hình cụ thể mà quyết định phương pháp cứu chữa thích hợp. Khi ngắt điện, người chữa cháy phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ như sào cách điện, bục cách điện, ủng, găng tay và kéo cắt điện. Những dụng cụ này phải ghi rõ điện áp cho phép sử dụng.

f. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

- Hướng dẫn vận hành các máy móc, thiết bị chi tiết cho công nhân, không cho người không có trách nhiệm lại khu vực đang hoạt động.

- Xây dựng các nội quy lao động và yêu cầu công nhân tuân thủ các biện pháp an toàn lao động

- Tập huấn an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên

- Hướng dẫn vệ sinh an toàn lao động cho công nhân định kỳ mỗi năm một lần bằng thông báo hướng dẫn.

- Trang bị đầy đủ đồng phục, các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết.

- Đảm bảo môi trường làm việc theo các quy định an toàn lao động.

- Kiểm tra định kỳ tất cả các thiết bị máy móc, phòng ngừa nguy cơ cao nhất có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và tài sản.

- Đình chỉ hoạt động các thiết bị khi thấy nguy cơ tai nạn hay sự cố kỹ thuật.

- Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy định hướng dẫn của Công ty về an toàn vệ sinh lao động.

- Mặc đồng phục và mang các trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định.

- Bảo vệ Công ty có trách nhiệm trực tiếp kiểm tra thường xuyên nhắc nhở, thực hiện ghi nhận hoặc báo cáo lên Giám đốc về tình hình thực hiện và chấp hành của công nhân viên Công ty.

- Chịu sự giám sát kiểm tra của nhân viên giám sát về an toàn vệ sinh lao động

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như bao tay, khẩu trang.

g. Biện pháp an toàn vệ sinh lao động

- Tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh lao động và sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn (điện giật...).

- Khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên làm việc.

- Trang bị các tủ thuốc trong đó bao gồm các loại thuốc thông thường và các loại thuốc cấp cứu.

- Trang bị bảo hộ lao động cho các nhân viên làm việc trong các khu vực có nguy cơ bị ô nhiễm cao: găng tay, ủng, khẩu trang, quần áo bảo hộ cho nhân viên thu gom chất thải; nút chống ồn cho những nhân viên thường xuyên làm việc tại khu vực đặt máy phát điện....

- Tham gia chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên.

- Xây dựng lối thoát hiểm trong khu vực dự án.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường: không

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt gồm: Nước thải từ quá trình rửa tay chân, vệ sinh sàn, sơ chế, chế biến thực phẩm, bếp ăn,...;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt gồm: Nước thải từ các bể xí, tiểu,...;

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 82,7m³/ngày.đêm

4.1.3. Dòng nước thải

Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 (một) dòng, nước thải sau khi xử lý qua hệ thống nước thải tập trung đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT được thu gom theo đường ống của Khách sạn Giao tế Nghệ An sau đó chảy đến nguồn tiếp nhận.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận không vượt quá giá trị C_{max}, cột B của QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K = 1,0 (Cửa hàng bách hóa, siêu thị có diện tích lớn hơn hoặc bằng 5.000m²), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột B	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột B, C _{max} , K = 1,0	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-9	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục
2	BOD ₅	mg/l	50	50		
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	1.000		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10		
5	Nitrat	mg/l	50	50		

6	Photphat	mg/l	10	10	tục
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	100	
8	Colifom	MPN/100ml	5.000	5.000	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	10	

4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn hiện hành theo ống nước thoát nước thải chảy ra nguồn tiếp nhận nên vị trí xả thải là tại điểm đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2065440(m); Y = 598591 (m).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chu kỳ xả thải: Liên tục. Thời gian trong một chu kỳ xả: 24giờ/ngày.

- Nguồn tiếp nhận: sông Rào Đưng tại xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Chất lượng nước thải đề nghị cấp phép xả thải: nước thải của Khách sạn sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B với K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.2.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 1: từ hoạt động kinh doanh của Khách sạn;

- Nguồn số 2: từ máy phát điện dự phòng.

4.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Nhà kho;

- Nguồn số 2: Từ vị trí máy phát điện dự phòng.

- Vị trí tiếng ồn từ hoạt động kinh doanh của máy móc, thiết bị nằm trong nhà kho (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2065432(m); Y = 598583 (m);

- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2065441(m); Y = 598587 (m)

- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ phương tiện giao thông, hoạt động trong khu vực dự án không có vị trí cố định.

4.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn (dBA)

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	<i>Khu vực thông thường</i>
2	55	45	-	<i>Khu vực đặc biệt</i>

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

Bảng 4.3. Giới trị tối đa cho phép về độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	<i>Khu vực thông thường</i>
2	60	55	-	<i>Khu vực đặc biệt</i>

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- Định kỳ, Công ty phối hợp với đơn vị đủ điều kiện quan trắc môi trường thực hiện quan trắc môi trường định kỳ của Khách sạn Giao tế Nghệ An. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải như sau:

Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,32	5-9
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	58	100
7	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	32	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,96	10
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,0	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	4.500	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Trường Sơn)

Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,25	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	389	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,9	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	59,1	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	45,6	100
6	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,31	4
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	32,8	10

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	1,05	50
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,58	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,76	10
11	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	25.000	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam)

Bảng 5.3. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,8	70⁽¹⁾
2	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	106	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	125	300
4	Carbon dioxide (CO ₂) ^(b)	mg/m ³	QTPT/KK/CO ₂	520	-
5	NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	103	200

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam)

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 thì cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 thì cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ)

Cơ sở không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và có khối lượng nước thải phát sinh <500m³ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, liên tục, tự động.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, cơ sở chưa có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các pháp luật liên quan khác, Chủ cơ sở cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến cơ sở;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của cơ sở gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên trong quá trình vận hành;
6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
7. Nếu để xảy ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
8. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.
9. Cam kết mọi thông tin được nêu trong Báo cáo là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật các nội dung được nêu trong Báo cáo. Chủ cơ sở cam kết thực hiện nghiêm chỉnh đầy đủ các nội dung trong quyết định giấy phép môi trường và trong báo cáo.
10. Cam kết rằng các số liệu cung cấp trong Báo cáo này có tính chính xác cao và cam kết rằng cơ sở không sử dụng hoá chất, chủng vi sinh vật trong danh mục cấm của Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy đăng ký kinh doanh
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ
4. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý CTNH
5. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý CTR SH



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kê 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07278/2024/PKQ/24.3301

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHÁT
Địa chỉ : Số 161, ngõ 69, đường An Dương Vương, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc : Khách sạn Giao Tế - 09 Hồ Tùng Mậu, Hưng Bình, Thành phố Vinh,
Nghệ An
Vị trí lấy mẫu : - KXQ.260924-017- Trung tâm tòa nhà, tọa độ: VĐ=18,660947,
KĐ=105,707896 (KK)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 26/09/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 07/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	67,8	70 ⁽¹⁾
2	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	106	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	125	300
4	Carbon dioxide (CO ₂)	mg/m ³	QTPT/KK/CO ₂	520	-
5	NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	103	200

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024



ThS, Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kê 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07277/2024/PKQ/24.3301

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHÁT
Địa chỉ : Số 161, ngõ 69, đường An Dương Vương, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc : Khách sạn Giao Tế - 09 Hồ Tùng Mậu, Hưng Bình, Thành phố Vinh,
Nghệ An
Vị trí lấy mẫu : - NT.260924-032- Nước thải sau xử lý, tọa độ: VĐ=18,671572,
KĐ=105,686585 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 26/09/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 07/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,25	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	389	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,9	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	49,3	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	45,6	100
6	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,31	4
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,8	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023	1,05	50
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,58	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,76	10
11	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	4.700	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2900597569

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 12 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 30 tháng 11 năm 2012

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0383 843175

Fax: 0383 596249

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510 (Chính)
2	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
4	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
5	Dịch vụ ăn uống khác	5629
6	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
7	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8	Bán buôn thực phẩm	4632
9	Bán buôn đồ uống	4633
10	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác Bán buôn hàng may mặc Bán buôn giày dép	4641



STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Tennis, bể bơi, bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông	9312
12	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, hàng lưu niệm	4649
13	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên	9000
14	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng, khách du lịch	4932
15	Xây dựng nhà các loại	4100
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Phòng chống mối mọt cho các công trình xây dựng, đê đập, cây xanh Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4390
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Hoạt động tổ chức các sự kiện, trung tâm thương mại	8230
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động kinh doanh siêu thị	8299
21	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ lữ hành quốc tế, nội địa	7920
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, cơ sở kinh doanh Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội và ngoại thất, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phòng hát karaoke	9329
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Đại lý, mua bán vé máy bay	5223
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
27	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình	4330
28	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

4. Vốn điều lệ ¹⁰⁰⁰

Vốn điều lệ: 13.687.100.000 đồng

Bằng chữ: Mười ba tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 136.871

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định 6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ ĐỨC HẢI	Số 20, đường Đào Duy Từ, khối 14, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	41.736	4.173.600.000	30,49	181663793	
			Tổng số	41.736	4.173.600.000	30,49		
2	NGUYỄN THỊ MINH	Nhà số 21 ngõ 36, đường Hồ Sỹ Dương, khối 17, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	900.000.000	6,58	186548599	
			Tổng số	9.000	900.000.000	6,58		
3	NGUYỄN THANH VÂN	Nhà số 3 ngõ 26, đường Bùi Huy Bích, xóm 11, Xã Hưng Lộc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.534	853.400.000	6,24	182291220	
			Tổng số	8.534	853.400.000	6,24		
4	HỒ NGỌC BÌNH	Số 11, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.637	463.700.000	3,39	181378939	
			Tổng số	4.637	463.700.000	3,39		



8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Họ và tên: **LÊ ĐỨC HẢI**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *24/03/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *181663793*

Ngày cấp: *06/03/2008*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 20, đường Đào Duy Từ, khối 14, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 20, đường Đào Duy Từ, khối 14, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh



TRƯỜNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Hải



Lê Văn Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1881 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 6187/QĐ.UBND-CNTM ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao Tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh;

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang mã số CP 894642 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 20/5/2019;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1593/SXD.KTQH ngày 21/5/2021 về việc báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh (lần 3); kèm theo bản vẽ điều chỉnh quy hoạch đã được các cơ quan, đơn vị có liên quan ký thỏa thuận, thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh (lần 3), như sau: //



I. Lý do, nội dung điều chỉnh quy hoạch: Điều chỉnh quy mô 02 công trình tại khu vực đường Hồ Tùng Mậu thuộc dự án để phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh và không gian kiến trúc cảnh quan của tuyến phố đi bộ Hồ Tùng Mậu. Cụ thể: Giảm diện tích xây dựng và tầng cao nhà dịch vụ tổng hợp, điều chỉnh chức năng sử dụng thành nhà hàng; giảm diện tích nhà trung tâm thương mại và lùi công trình vào 3,0m so với lộ giới đường Hồ Tùng Mậu.

II. Nội dung quy hoạch sau điều chỉnh:

1. Tên bản vẽ: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh (lần 3).

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đất Lành.

4. Vị trí khu đất quy hoạch: Tại số 09 đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang mã số CP 894642 ngày 20/5/2019). Cụ thể các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Đường dân sinh rộng 5,0m;
- Phía Nam giáp: Đường Hồ Tùng Mậu rộng 39m;
- Phía Đông giáp: Đường quy hoạch rộng 12m;
- Phía Tây giáp: Khu dân cư khối 17 phường Hưng Bình.

5. Nội dung quy hoạch xây dựng:

5.1. Về thông số quy hoạch xây dựng:

a) Bảng so sánh thông số quy hoạch xây dựng trước và sau điều chỉnh:

TT	Thông số quy hoạch	QH được duyệt	QH điều chỉnh	Ghi chú
1	Diện tích khu đất (m ²)	17.428,50	17.428,50	Giữ nguyên
2	Diện tích XD công trình (m ²)	9.752,30	8.987,98	Giảm 764,32m ²
3	Mật độ xây dựng (%)	55,96	51,57	Giảm 4,39%
4	Tầng cao công trình (tầng)	2 - 18	2 - 18	Giữ nguyên

b) Về thông số quy hoạch kiến trúc sau điều chỉnh:

- Diện tích khu đất quy hoạch: 17.428,50m², được giới hạn bởi đường nối các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 (theo bản vẽ quy hoạch);

- Diện tích xây dựng công trình: 8.987,98m²;

- Diện tích cây xanh, sân đường + bãi đỗ xe: 8.440,52m²;

- Mật độ xây dựng: 51,57%;

- Tầng cao công trình từ: 02 - 18 tầng.

5.2. Về quy hoạch xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc: Các hạng mục công trình chính được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch như sau:

- (1) Cổng vào chính;
- (2) Cổng phụ;
- (3) Khách sạn 5 sao, cao 18 tầng + 01 tầng hầm (chiều cao tối đa 60m, theo Quyết định phê duyệt quy hoạch số 6187/QĐ.UBND-CNTM ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh), diện tích XD: 3.293,57m² (xây dựng mới);
- (4) Trung tâm hội nghị tiệc cưới, cao 02 tầng, diện tích XD: 4.066,17m² (đã xây dựng);
- (5) Nhà hàng, cao 02 tầng, diện tích XD: 651,44m² (xây dựng mới).
- (6) Trung tâm thương mại, cao 05 tầng + 01 tầng hầm (chiều cao tối đa 17m, theo Quyết định phê duyệt quy hoạch số 6187/QĐ.UBND-CNTM ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh), diện tích XD: 930,0m² (xây dựng mới).
- (7) Bãi đỗ xe;
- (8) Trạm biến áp treo;
- (9) Khu xử lý nước thải (ngâm - xây dựng mới), diện tích XD: 46,8m².

5.3. Yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, kỹ thuật, môi trường:

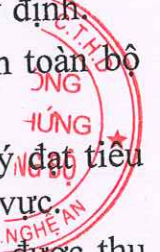
- Kiến trúc các công trình phải có hình thức mặt đứng, màu sắc, vật liệu, chi tiết hài hòa, thống nhất công năng sử dụng và phù hợp kiến trúc cảnh quan khu vực.
- Khi thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động phải tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện bắt buộc về an toàn thi công, chất lượng công trình, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường theo tiêu chuẩn, quy định.
- Thoát nước mưa: Có giải pháp thoát nước phù hợp để thu gom toàn bộ nước mặt dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Nước thải: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom 100% xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Chất thải rắn: Toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong dự án phải được thu gom, phân loại, tập kết và vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung của địa phương để xử lý theo đúng quy định.

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh (lần 3).

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức công bố quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành.
- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, PCCC, an toàn lao động.../



2. UBND thành phố Vinh chủ trì, phối hợp các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, và UBND phường Hưng Bình chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư thực hiện việc đầu tư xây dựng đúng theo quy hoạch được phê duyệt; sử dụng đất đai đúng mục đích và quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Vinh, Chủ tịch UBND phường Hưng Bình, thành phố Vinh; các tổ chức, cá nhân có liên quan và Chủ đầu tư căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trưởng phòng CN;
- Trung tâm phục vụ HCC;
- Lưu: VTUB, CVCN (H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SÁCH
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY 25-06-2021

Lê Hồng Vinh

Số chứng thực 0021 Quyển số 07.SCT/BS
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẮC TRUNG BỘ



CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN VĂN THỎA

Số: 6187/QĐ.UBND-CNTM Nghệ An, ngày 25 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An tại Tờ trình số 15/TTr-CTy ngày 03/12/2015 V/v thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản thẩm định số 2772/SXD.QHKT ngày 21/12/2015, kèm theo bản vẽ điều chỉnh quy hoạch.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, với các nội dung chính như sau:

I. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh quy hoạch tách hạng mục Trung tâm hội nghị tiệc cưới thành công trình độc lập để phù hợp với năng lực đầu tư hiện tại của Chủ đầu tư và nhu cầu thực tế; Giữ nguyên ranh giới khu đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và không làm thay đổi tính chất khu quy hoạch.

II. Nội dung quy hoạch sau khi điều chỉnh:

1. Tên hồ sơ quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An.

3. Vị trí khu đất quy hoạch xây dựng: tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh. Tiếp giáp các phía như sau:

- Phía Bắc giáp: Đường dân sinh, quy hoạch rộng 5m;
- Phía Nam giáp: Đường Hồ Tùng Mậu, QH rộng 39m;
- Phía Đông giáp: Đường quy hoạch rộng 12m;
- Phía Tây giáp: Khu dân cư khối 17, phường Hưng Bình.

4. Nội dung quy hoạch xây dựng: 2-11

4.1. Về quy mô diện tích khu đất: Tổng diện tích khu đất: 17.428,50m² (theo diện tích khu đất đã được UBND tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 357812 ngày 20/6/2005), được giới hạn bởi đường nối các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 (ký hiệu trong bản vẽ quy hoạch)

4.2. Các thông số quy hoạch và chỉ tiêu kiến trúc:

- Diện tích xây dựng công trình: 9.752,30m²;
- Mật độ xây dựng công trình: 55,96%;
- Tầng cao công trình: từ 1 tầng đến 18 tầng.

4.3. Về quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc: Các hạng mục công trình chính được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch như sau:

- (1). Cổng vào chính (đã xây dựng);
 - (2). Cổng phụ (xây dựng mới);
 - (3). Khách sạn 5 sao, cao 18 tầng (chiều cao tối đa 60m), diện tích XD: 3.293,6m² (xây dựng mới);
 - (3'). Bể bơi và sân vườn trên mái tầng 5 của khách sạn (xây dựng mới);
 - (4). Trung tâm hội nghị tiệc cưới, cao 02 tầng, diện tích XD: 4.211,2m² (xây dựng mới);
 - (5). Nhà dịch vụ tổng hợp, cao 05 tầng (chiều cao tối đa 17m), diện tích XD: 1.085,0 m² (xây dựng mới);
 - (6). Nhà Trung tâm thương mại, cao 05 tầng (chiều cao tối đa 17m), diện tích XD: 1.162,5 m² (xây dựng mới);
 - (7). Bãi đỗ xe (xây dựng mới);
 - (8). Đài phun nước (xây dựng mới);
 - (9). Khu xử lý nước thải ngầm, diện tích: 46,8m² (xây dựng mới);
- * Lưu ý: Đối với công trình có chiều cao lớn hơn 45m, trước khi đầu tư xây dựng phải xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Quốc phòng theo đúng quy định.

5. Ban hành kèm theo Quyết định này bản vẽ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh đã được UBND tỉnh ký duyệt.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, chính quyền địa phương, cơ quan tư vấn lập quy hoạch và các cơ quan liên quan tổ chức công bố quy hoạch và thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây Dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Vinh; Chủ tịch UBND phường Hưng Bình, thành phố Vinh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ đầu tư căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tư vấn lập quy hoạch;
- Lưu: VT, ĐTXD(H);



Lê Văn Hợi



Nguyễn Xuân Đường

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khách sạn Giao tế Nghệ An tại số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, bể tự hoại, bể tách dầu, bể lắng, hố ga và hệ thống xử lý nước thải: xây dựng và hoạt động trong giai đoạn thi công xây dựng.

+ Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và tiếp tục thu gom lưu giữ theo đúng quy định trong giai đoạn thi công xây dựng.

+ Trồng cây, thảm cỏ, bồn hoa: xây dựng và hoạt động trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Giai đoạn đi vào vận hành:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải, bể lắng, hố ga, bể tự hoại: hoàn thành trong quý IV/2031.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: hoàn thành trong quý I/2032.

+ Lắp đặt bộ lọc khí khu vực bếp: hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng.

+ Trồng cây, thảm cỏ, bồn hoa: hoàn thành trong quý IV/2031.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); bảo đảm nước thải phải xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; nguồn tiếp nhận nước thải: là kênh thoát nước dọc đường quy hoạch 12 m về phía Đông của Dự án, dẫn về hệ thống thoát nước chung của thành phố Vinh; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Công ty CP khách sạn Giao tế Nghệ An (t/h);
- Chi cục BVMT;
- Lưu VT, HS.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY 09-11-2021

Số chứng thực **130** Quyển số **7**...SCT/BS
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẮC TRUNG BỘ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thái Văn Nông



**CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN VĂN THỎA**

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 01, tờ bản đồ số: 49;
- b) Địa chỉ thửa đất: Phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- c) Diện tích: 17.431,0 m², (Bảng chữ: Mười bảy nghìn bốn trăm ba mươi mét vuông);
- d) Hình thức sử dụng đất: Riêng: 17.431,0 m², chung: Không;
- đ) Mục đích sử dụng đất: Đất thương mại, dịch vụ;
- e) Thời hạn sử dụng đất: Đến hết ngày 10/5/2045;
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²), công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sử hữu
1	Nhà hàng Ruby	612,1	1196,8	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
2	Cửa hàng SHB	96,1	96,1	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
3	Nhà khách AI	434,8	1304,4	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
4	Nhà khác A	590,8	1772,4	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
5	Nhà làm việc, văn phòng	155,6	314,5	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
6	Trung tâm hội nghị tiệc cưới	3885,6	7611,7	Sở hữu riêng	II	"-/-"
7	Hội trường AI	431,3	431,3	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
8	Nhà bếp	144,8	144,8	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
9	Nhà dịch vụ logistic	163,9	163,9	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
10	Sân tennis	644,2	644,2	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"
11	Sân tennis	663,8	663,8	Sở hữu riêng	"-/-"	"-/-"

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Gai chui: -/-

-Phân diện tích 1258,3 m² nằm trong chỉ giới xây dựng, không cấp Giấy chứng nhận. Được cấp đơn từ Giấy chứng nhận SỔ HỘ ĐẤT SỐ 357812 ngày 20/6/2005.

CHỨNG THƯ AN SẠC ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH NGÀY 19-08-2019
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH AN

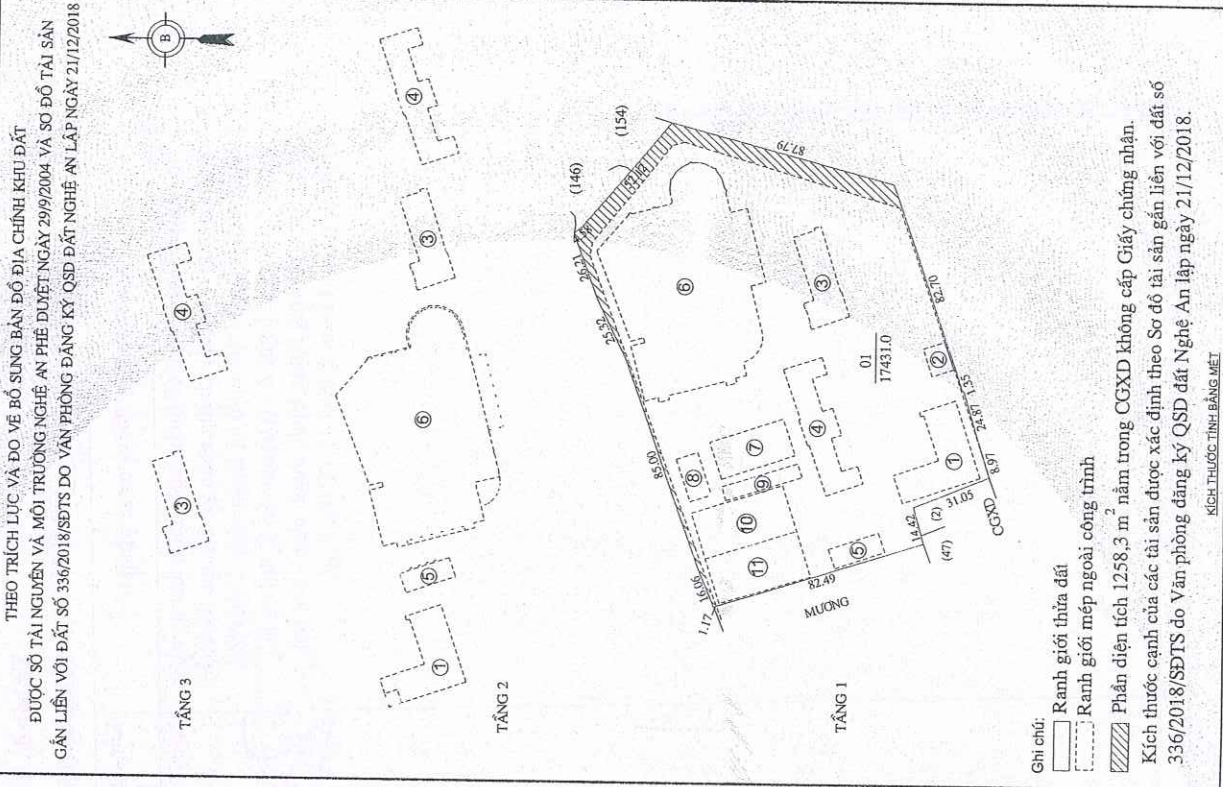
S. K. B. 94 - C. T. H. D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH AN
 T. P. VINH - T. NGHỆ AN

Nghệ An, ngày 20 tháng 5 năm 2019
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN
 CÔNG HOÀ X. H. VIỆT NAM
 TỈNH NGHỆ AN

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 21981
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh
Võ Duy Việt

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 01

Tờ bản đồ số: 49

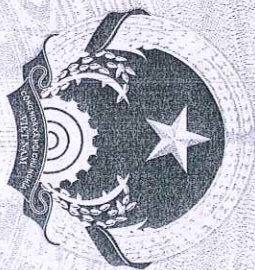
Số phát hành GCN: CP 894642

Số vào sổ cấp GCN: (CT) 21981

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CP KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp:

2900597569 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An

cấp. Đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/11/2012.

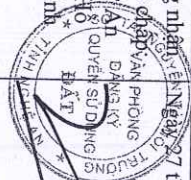
Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh,

tỉnh Nghệ An.

CP 894642

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Tài sản gắn liền với đất đã hình thành, được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận và tiếp tục thế chấp Trung tâm hội nghị tiệc cưới tại Ngân hàng TMCP Bình - Chi nhánh Nghệ An (Địa chỉ: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) theo hồ sơ số 000047.TC.002/.đ</p>	<p>Ngày 27 tháng 08 năm 2019</p> <p><i>(Signature)</i></p> <p>P. GIÁM ĐỐC NGUYỄN TRỌNG SỸ</p>



Trang bổ sung số: 01.

Số: 40 /GP - STNMT.NBĐ&BĐKH

Nghệ An, ngày 13 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 6/9/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn 2035;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ Phần Khách sạn Giao Tế Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên Nước, Biển đảo, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ Phần Khách sạn Giao Tế Nghệ An, địa chỉ: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phục vụ vệ sinh, giặt là, tưới cây với lưu lượng 20 m³/ngàyđêm.



2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen (qh).

4. Tổng số giếng khai thác: 2 giếng khoan.

5. Tổng lượng nước khai thác lớn nhất: 20 m³/ngày đêm.

6. Thời hạn của giấy phép là 05 năm.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Toạ độ		Lưu lượng (m ³ /ng. đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
GK1	2065469	598585	10	4,0	6	14	2,4	6,4	qh
GK2	2065373	598491	10	4,0	6	14	2,6	6,6	qh

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ Phần Khách sạn Giao Tế Nghệ An:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thực hiện việc giám sát khai thác nước dưới đất theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An.

8. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước khai thác, sụt lún các công trình xây dựng xung quanh và môi trường do hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất gây ra.

9. Lập sổ vận hành theo dõi công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất.

10. Kê khai và nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Công ty Cổ Phần Khách sạn Giao Tế Nghệ An được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ Phần Khách sạn Giao Tế Nghệ An còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- TTPV HCC tỉnh Nghệ An;
- UBND thành phố Vinh;
- Cục thuế Nghệ An;
- Công ty Cổ Phần Khách sạn Giao Tế Nghệ An;
- Trung tâm CNTT, Sở TN&MT (để cấp nhà)
- Lưu VT, HS cấp phép, NĐ&BĐKH.....Quyển số.....SCT/BS

(để b/c)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Văn Ngọc



Trần Thị Thanh Huyền



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

**BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

VINH, NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

**BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

*(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số
QLCTNH.110.0000.190 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp
lần...1...ngày...22...tháng...02...năm 2012)*

VINH, NĂM 2012

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2012

**SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 40.000190.T

(Cấp lần thứ nhất: ngày 22/02/2012)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

- Tên chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An.
- Địa chỉ văn phòng: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000222 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/5/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp.
- Đại diện: Ông Lê Đức Hải, Chức vụ: Giám đốc.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động. / .

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: VT; CCBVMT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Chu Thế Huyền



Hoàng Văn Chung

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 40.000190.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp lần thứ nhất ngày 22 tháng 02 năm 2012).

Cơ sở phát sinh CTNH:

- Tên: Công ty Cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An.
- Địa chỉ cơ sở: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An.

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải.	Rắn	20	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải.	Rắn	08	16 01 12
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử khác.	Rắn	10	16 01 13
4	Mực in	Lỏng	01	08 02 04
5	Tổng cộng		39 kg/năm	

2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	180.000

3. Bộ hồ kèm theo Sổ đăng ký

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH.
- Bảo sao Giấy đăng ký kinh doanh./#

Vinh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(Cấp lần đầu)**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An

1. Phần khai chung

- Tên chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An;
- Địa chỉ: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000222 (đăng ký thay đổi lần thứ nhất) ngày 17/5/2006 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Nghệ An;
- Tên cơ sở phát sinh chất thải nguy hại: Khách sạn giao tế Nghệ An;
- + Loại hình hoạt động: Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- + Địa chỉ cơ sở: Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Đại diện: Ông: Lê Đức Hải; Chức vụ: Giám đốc.

2. Dữ liệu sản xuất

Danh sách nguyên liệu thô/ hoá chất:

TT	Nguyên liệu thô/ hoá chất	Số lượng trung bình
1	Hóa chất giặt tẩy	480 lit/năm
2	Thực Phẩm	60.000 kg/năm
3	Mực in	3,5 kg/năm
4	Giấy in	132 kg/năm
5	Dầu, mỡ sử dụng	1440 lit/năm

3. Dữ liệu về chất thải

3.1. Danh sách Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	20	16 01 06
2	Pin, ắc quy	Rắn	08	16 01 12
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải khác	Rắn	10	16 01 13
4	Mực in	Rắn	01	08 02 04
	Tổng số lượng		39 kg/năm	

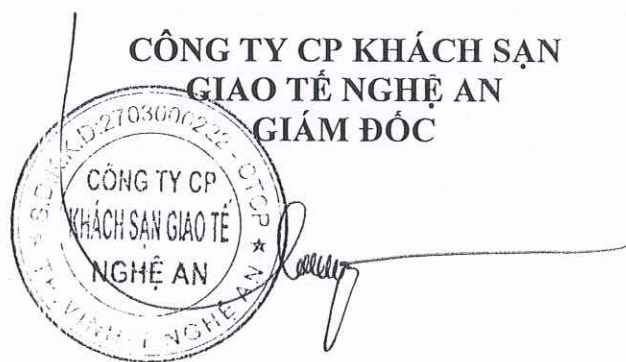
3.2. Danh sách chất thải thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác sinh hoạt	Rắn	180.000

4. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật.
Đề nghị Quý sở cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.



LÊ ĐỨC HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CẦU, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 76.../HĐRTSH

Căn cứ: Bộ luật dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ: Luật thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 27/06/2005;

Căn cứ: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu

Căn cứ thỏa thuận của 2 bên

Hôm nay, ngày 04. tháng 01. năm 2023

Tại: Khách sạn Giao Tế Nghệ An.

BÊN A (Bên thuê): CÔNG TY CP KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

Mã số thuế: 2900597569

Địa chỉ: Số 09, đường Hồ Tùng Mậu, Phường Hưng Bình, Tp Vinh, tỉnh Nghệ

An

Số điện thoại liên lạc: 02383599063 Email:

Đại diện: Ông Lê Đức Hải - Chức vụ : Giám đốc công ty

Ông Nguyễn Thanh Vân - Chức vụ : Kế toán trưởng

BÊN B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Mã số thuế: 2900326985

Địa chỉ: số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, TP Vinh, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 02383 510 529. Fax:

Đại diện: Ông: **Nguyễn Chí Thông**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những nội dung sau :

Điều 1: Nội dung công việc

1. Bên A thuê Bên B dịch vụ cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt hàng ngày của Bên A tại Khách sạn Giao Tế Nghệ An (Theo địa điểm rác được hai bên khảo sát và thống nhất trước khi ký hợp đồng) về tập kết và xử lý.
2. Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
3. Tần suất: Bên B thực hiện cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của bên A về điểm tập kết rác thải sinh hoạt tạm thời do bên B bố trí theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, với tần suất 01 ngày/01 lần.



4. Thời gian cầu, vận chuyển: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút hàng ngày (Nếu vì lý do thời tiết bất khả kháng thì sẽ chuyển sang buổi sáng hoặc buổi trưa, hai bên sẽ thông báo cho nhau biết cụ thể)

5. Tần suất và thời gian vận chuyển có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng rác phát sinh của bên A và những vấn đề đột xuất do khách quan mang lại hoặc phục vụ nhiệm vụ theo kế hoạch của Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An (bên B).

Điều 2: Quy trình xử lý rác thải sinh hoạt:

Bước 1: Bên A phân loại chất thải rắn hay các loại chất thải khác tại nguồn.

Bước 2: Bên B tiến hành cầu, vận chuyển tận vị trí thiết bị chứa rác do bên

A đặt khu vực thuận lợi cho phương tiện của bên B vào cầu.

Bước 3: Bên B cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của bên A.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Tổng giá dịch vụ cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt:

58.320.000đ/ năm.

Bằng chữ: Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng.

Giá trên đã bao gồm VAT

Giá trị hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau: Quá trình thực hiện nếu có phát sinh tăng giảm khối lượng so với hợp đồng thì hai bên xem xét lại phần tăng, giảm khối lượng và đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng. Trong trường hợp nhà nước điều chỉnh đơn giá nhân công, máy thi công thì bên B phải có văn bản thông báo cho bên A về việc điều chỉnh giá trước 15 ngày để hai bên cùng thống nhất bổ sung phụ lục hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Chuyển khoản: Bên A thanh toán vào tài khoản của Bên B theo:

Số tài khoản: **808 999 9999**

Ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Nghệ An

Chủ tài khoản: Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An

3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B:

6 tháng/lần; vào tháng 6/2023 và tháng 12/2023.

Bên B chịu trách nhiệm xuất hóa đơn cho bên A.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A:

1.1. Chứa rác vào các thiết bị lưu chứa hợp vệ sinh, phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại rác thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, chất thải lỏng, rác thải không hợp pháp và rác thải có thể gây cháy.

1.2. Nếu xảy ra bất kỳ tình trạng phát sinh rác thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với rác thải sinh hoạt, Bên B có quyền từ chối vận chuyển rác thải này ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc). Bên A có trách nhiệm thanh toán thêm chi phí cầu, vận chuyển tương ứng với khối lượng một chuyến vận chuyển tối thiểu trong tháng theo đơn giá đúng trong hợp đồng.

1.3. Bố trí vị trí đúng thỏa thuận, nơi lưu chứa rác thải phải thuận tiện cho xe lấy rác vào cầu, vận chuyển. Chịu trách nhiệm về vệ sinh khu vực điểm rác khi bên B hoàn thành việc tác nghiệp.

1.4. Thanh quyết toán tiền dịch vụ cầu, vận chuyển rác thải sinh hoạt cho Bên B đầy đủ và đúng thời gian quy định; Thanh toán thêm các chi phí phát sinh

khi cầu, vận chuyển rác sinh hoạt có lẫn rác thải rắn công nghiệp theo đơn giá đã ký kết trong hợp đồng (Nếu có).

1.5. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc và loại rác thải. Bên B chỉ nhận cầu, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt thông thường, không vận chuyển rác công nghiệp, đất đá xây dựng, rác thải y tế, rác thải nguy hại.

2. Trách nhiệm của bên B:

2.1. Bố trí nhân sự phù hợp, phương tiện để nhận rác thải sinh hoạt theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo đúng các quy định về vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển phải được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm vận chuyển sạch sẽ, không để rác thải rơi vãi.

2.2. Bên B sẽ từ chối thu gom, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng này nếu có các loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng và những rác thải vật liệu không hợp pháp dễ gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác bên A đã giao cho bên B.

2.3. Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường của Pháp luật hiện hành. Vận chuyển rác thải về đúng điểm tập kết rác tạm thời hoặc điểm trung chuyển do Thành phố Vinh quy định.

Điều 5: Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Theo thỏa thuận của hai bên;
- Do bất khả kháng;
- Sau khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng;
- Theo quy định của pháp luật.

2. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên còn lại trước 30 ngày. Nếu việc chấm dứt Hợp đồng của một Bên không do lỗi của Bên còn lại và hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng gây tổn thất, thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

3. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên còn lại thì Bên còn lại phải bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

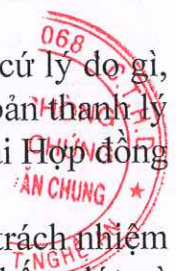
4. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn vì bất cứ lý do gì, hai Bên có nghĩa vụ tiến hành thanh lý hợp đồng bằng việc lập Biên bản thanh lý để xác nhận chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên quy định tại Hợp đồng này.

5. Bất kể Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp nào, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các chi phí cho Bên B đến thời điểm Hợp đồng chấm dứt và thanh toán đầy đủ tiền VSMT năm 2023 còn lại nộp ngân sách nhà nước theo Quyết định số 19/2019 – UBND của UBND tỉnh Nghệ An ban hành ngày 28/5/2019.

6. Khi bên B hoàn thành xong công việc của mình và không có vấn đề gì xảy ra, hết thời hạn hợp đồng tự thanh lý.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh các bên giải quyết trên tinh thần hoà giải, thương lượng. Các bên tiến hành thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng bất thành, một trong hai bên có quyền khởi kiện ra toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.



2. Hợp đồng này được xác lập và thi hành theo pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 7: Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Trường hợp có bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng này không thể thực thi hoặc bị vô hiệu do thoả thuận trái với quy định của pháp luật thì các điều khoản, điều kiện còn lại của Hợp Đồng vẫn được đảm bảo thi hành.

3. Hợp đồng này được kí kết tại: Khách sạn Giao Tế Nghệ An, vào ngày .04... tháng .01... năm 2023. Khi bên B hoàn thành xong công việc của mình và không có vấn đề gì xảy ra thì Hợp đồng, tự thanh lý.

4. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên 1 (một) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Khi hai bên ký phụ lục hợp đồng thì nội dung của phụ lục hợp đồng cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng này.



Bên A
(Người đại diện ký tên)

[Signature]
LÊ ĐỨC HẢI

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... **25515**
NGÀY 07 -06- 2023
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG



Bên B
(Người đại diện ký tên)

[Signature]
CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Chí Chông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 191213 /HD - XLMTNA - KSGIAOTE

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25/05/2017;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ tài nguyên môi trường cấp (lần 5) ngày 25/01/2019;
- Căn cứ công văn số 3771/BTNMT-TCMT ngày 26/07/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ công văn số 198/BTNMT-TCMT ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận bổ sung phương tiện vận chuyển CTNH của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An;
- Căn cứ công văn số 1544/BTNMT-TCMT ngày 04/04/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận bổ sung phương tiện vận chuyển CTNH của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An.
- Căn cứ nhu cầu của Công ty CP Khách sạn Giao Tế Nghệ An và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại văn phòng Công ty CP Khách sạn Giao Tế Nghệ An, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên giao): CÔNG TY CP KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ : Số 9- Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 02383594788 - 3833510 Fax: 02383596249
Mã số thuế : 2900597569
Người đại diện : **(Ông) Lê Đức Hải** Chức vụ : **Giám đốc**

BÊN B (Bên nhận): CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN

Địa chỉ : Xóm 7B, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
Điện thoại : 0982.491.067 Email : nguyensexuan.xlmt@gmail.com
Tài khoản : 0101000997708 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Nghệ An.
Mã số thuế : 2901070574
Người đại diện : **(Ông) Nguyễn Văn Xuân** Chức vụ : **Giám đốc**

- Điện thoại thường trực khi gọi lấy chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Công ty CP Khách sạn Giao Tế Nghệ An (Số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải- Xóm 9, xứ Đồng Kẹ, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: **12.000.000 đồng/01 lần thu gom**. Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600kg/01 lần thu gom (Sáu trăm kilogam một lần thu gom). Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng).

Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái
01	Pin, ắc quy thải	19 06 01	Rắn
02	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn
03	Dầu thải	17 07 03	Lỏng
04	Giẻ lau nhiễm các TPNH	18 02 01	Rắn

2.1.2. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

2.2. Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B 100% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết;

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2.2.3. Trường hợp sau khi hợp đồng được ký 10 ngày, nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điểm 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3771/BTNMT-TCMT.

ngày 26/07/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);

- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Hướng dẫn bên A thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải của bên A tại địa chỉ của bên A theo đúng quy định của Pháp luật;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận. Bên B cử cán bộ hướng dẫn Bên A phân loại, đóng gói lại chất thải theo đúng quy định;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Bồi thường thiệt hại:

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

- 6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;
- 6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không

thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.
- 8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 8.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG THỰC BẢN ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 215514
LÊ ĐỨC HẢI
NGÀY 07-06-2023
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG VĂN CHUNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Xuân



Hoàng Văn Chung



GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường

UBND thành phố Vinh xác nhận Công ty CP Khách sạn Giao tế Nghệ An đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Khách sạn Giao tế Nghệ An giao đoạn I – Hạng mục trung tâm hội nghị tiệc cưới tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

Công ty CP Khách sạn Giao tế Nghệ An có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

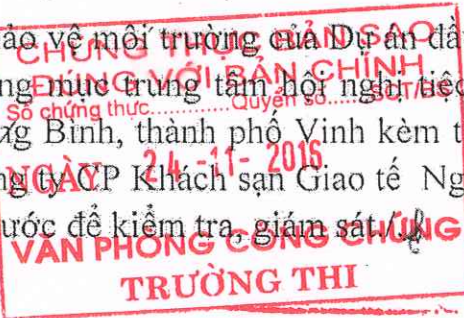
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Báo cáo bằng văn bản với UBND thành phố Vinh khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND thành phố Vinh.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Khách sạn Giao tế Nghệ An giao đoạn I – Hạng mục trung tâm hội nghị tiệc cưới tại số 9, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty CP Khách sạn Giao tế Nghệ An để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:

- Sở TNMT;
- PCT phụ trách đô thị;
- Phòng TNMT;
- UBND phường Hưng Bình;
- Cty CP Khách sạn Giao tế Nghệ An;
- Lưu VT, HS.



CÔNG CHỨNG VIÊN



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Sỹ Chiến

Lê Văn Hợi

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định việc đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, giấy phép tài nguyên nước.

Căn cứ Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Khách sạn giao tế Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nước, Khí tượng thủy văn, Biển và Hải đảo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Khách sạn giao tế Nghệ An, địa chỉ số 9 đường Hồ Tùng Mậu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Cửa Tiên thuộc phường Vinh Tân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Vị trí xả thải: phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Toạ độ vị trí xả thải (hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

Vị trí xả thải: $X = 2065517(m)$; $Y = 598579(m)$.

3. Phương thức xả thải: Tự chảy, nước thải sau xử lý tự chảy ra Cửa Tiền qua cửa xả.

4. Chế độ xả thải: Chu kỳ xả thải : 01 lần/ngày đêm; Thời gian xả thải của một chu kỳ: 24h/lần.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 37 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cmax, cột B, với hệ số k = 1).

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, giá trị Cmax)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	PO ₄ ³⁻	mg/l	10
4	NH ₄ ⁺	mg/l	10
5	NO ₃ ⁻	mg/l	50
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
7	Coliform	MPN/100ml	5.000

7. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) tính từ ngày cấp phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với phép Công ty Cổ phần Khách sạn giao tế Nghệ

An.

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn nước tiếp nhận:

a) Đối với nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí trước khi xử lý nước thải, 01 vị trí sau khi xử lý nước thải;

- Thông số Quan trắc: pH, BOD₅ (20°C); Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P); Amoni (tính theo N); NO₃⁻ (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng Coliform .

- Tần suất 6 tháng/ lần

b) Đối với nguồn tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí nguồn tiếp nhận sông Cửa Tiền.

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng(TSS), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), Tổng Coliform.

- Tần suất 6 tháng/ lần

3. Hằng năm (trước 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước;

5. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã nêu trong Đề án xả nước thải vào nguồn nước; Trong quá trình hoạt động, thực hiện quy trình xử lý nước thải đảm bảo nồng độ các chất được quy định trong nội dung giấy phép; bảo vệ môi trường nguồn tiếp nhận nước thải;

6. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và các cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do xả thải gây ra;

Điều 3. Công ty Cổ phần Khách sạn giao tế Nghệ An được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Khách sạn giao tế Nghệ An còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Cục thuế Nghệ An;
- UBND thành phố Vinh;
- UBND phường Hưng Bình;
- Công ty Cổ phần Khách sạn giao tế Nghệ An;
- Lưu VT, HS cấp phép



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Văn Ngọc



Lê Văn Hoi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 536/UBND-QLĐT

Vinh, ngày 21 tháng 9 năm 2016

V/v thỏa thuận đấu nối hệ thống thoát nước của Công ty CP khách sạn Giao tế Nghệ An, tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh.

Kính gửi: Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An

UBND thành phố Vinh nhận được Đơn đề ngày 14/9/2016 của Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An về việc xin đấu nối xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung. Sau khi kiểm tra các tài liệu liên quan và thực trạng, UBND thành phố Vinh có ý kiến như sau:

Đồng ý chủ trương đấu nối hệ thống thoát nước của Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An, cụ thể: 01 vị trí đấu nối công tròn vào hồ thu của mương thoát nước trên đường Hồ Tùng Mậu và 01 vị trí đấu nối công tròn vào hồ thu của mương thoát nước số 2 nằm dọc đường Nguyễn Tài theo quy hoạch chi tiết xây dựng (điều chỉnh) đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 6187/QĐ.UBND-CN ngày 25/12/2015.

Yêu cầu Công ty Cổ phần khách sạn Giao tế Nghệ An lập hồ sơ thiết kế đấu nối cụ thể, trực tiếp làm việc với Công ty CP Quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh để được kiểm tra, hướng dẫn thủ tục xin đấu nối trước khi trình hồ sơ đề nghị UBND thành phố Vinh cấp Giấy phép xây dựng công trình theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT đô thị UBND TP;
- Cty CP QL&PT HTĐT Vinh;
- UBND phường Hưng Bình;
- Lưu: VT, QLĐT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG NỘI BẢN CHÍNH
Số chứng thực Quyền số SCT/BS
NGÀY 06 -05- 2019
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỞNG THỊ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Sỹ Chiến

Lê Văn Hồi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN ĐẦU NỒI THOÁT NƯỚC

SỐ:..../2019/TT.ĐNTN

Căn cứ nghị định số: 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ quyết định số:22/2015/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ giấy phép xả thải vào nguồn nước của bộ Tài nguyên và môi trường số 3191/GP-BTNMT ngày 14/12/2017;

Căn cứ đơn xin đầu nối xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung và cải tạo vỉa hè ngày 26/3/2019 của Công ty cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An – Khách sạn Giao Tế.

Hôm nay, ngày 05 / 04 /2019, tại công ty CP Quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh, chúng tôi gồm:

- 1. Đại diện hộ thoát nước:** Công ty cổ phần Khách sạn Giao tế Nghệ An – Khách sạn Giao Tế
- Ông: Lê Đức Hải Chức vụ: Giám đốc
- 2. Đại diện đơn vị thoát nước:** Công ty CP Quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh:
- Ông: Đinh Tiến Dũng Chức vụ: Giám đốc
 - Ông: Đinh Công Chính Chức vụ: P.Tr. Phòng KH-KT
 - Ông: Phan Hữu Trông Chức vụ: N.V. Kỹ thuật

Các bên lập thoả thuận đầu nối thoát nước thải cho Khách sạn Giao Tế; Địa chỉ: Số 09, đường Hồ Tùng Mậu, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với các nội dung sau:

1. Thống nhất phương án đầu nối hệ thống nước thải bao gồm:

- Vị trí đầu nối NT-1: Đầu nối hệ thống thoát nước thải vào mương thoát nước số 2 B=4,5m. Cống đầu nối sử dụng cống BTCT M200 tiết diện B*H=0,8m*1m, chiều dài cống đầu nối L=4,2m; Chiều sâu đặt cống Htb=1,59 m; Cao độ đáy cống đầu nối: +1,77 (Cao hơn cao độ đáy cống thành phố 0,92 m);
- Tại điểm đầu nối có hộp đầu nối thoát nước, để kiểm tra xả thải và lắng bùn cặn theo quy định.
- Đối tượng đầu nối: Cơ sở kinh doanh, dịch vụ;



WZ

- Khôi lượng nước thải: Được tính theo quy định;
 - Thời gian tiến hành đấu nối: Theo giấy phép đấu nối thoát nước;
- (Bản vẽ thoả thuận cấp phép đấu nối kèm theo)

2. Nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải xử lý sơ bộ, đảm bảo các quy chuẩn xả thải hiện hành. Đối với nước xả thải trong quá trình kinh doanh nhà hàng, cơ sở sản xuất trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung phải có giấy phép xả thải theo quy định.

3. Hộ thoát nước có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị thoát nước, Sở tài nguyên và môi trường và các cơ quan chức năng có liên quan khi kiểm tra, kiểm soát việc xả thải của hộ thoát nước:

4. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác; Ống thoát nước nội bộ của hộ thoát nước phải được kiểm tra định kỳ, nạo vét để không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước của khu vực.

5. Hộ thoát nước chi trả giá dịch vụ thoát nước theo quy định.

6. Trong quá trình thi công hộ thoát nước chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, phương tiện tham gia giao thông và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác nếu có vướng mắc phải thông báo cho đơn vị chủ quản thống nhất phương án xử lý.

Kết luận:

- Các bên thống nhất các nội dung thoả thuận nêu trên.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các bên chủ động bàn bạc thống nhất phương án xử lý.
- Hộ thoát nước hoàn thiện hồ sơ thiết kế trình phòng Quản lý đô thị thẩm tra, UBND thành phố Vinh cấp phép theo quy định.
- Thỏa thuận được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

HỘ THOÁT NƯỚC **ĐƠN VỊ THOÁT NƯỚC**

CÔNG TY CP GIAO TẾ NGHỆ AN CÔNG TY CP QL&PT ĐÔ THỊ VINH

KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN PHÒNG KH-KT ĐÔ THỊ VINH

GIÁM ĐỐC GIÁM ĐỐC

NGÀY 09-05-2019



LÊ ĐỨC HẢI

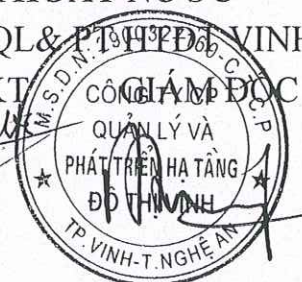
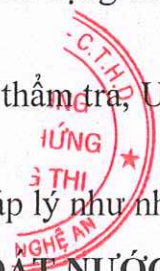


Dinh Cien Dũng

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

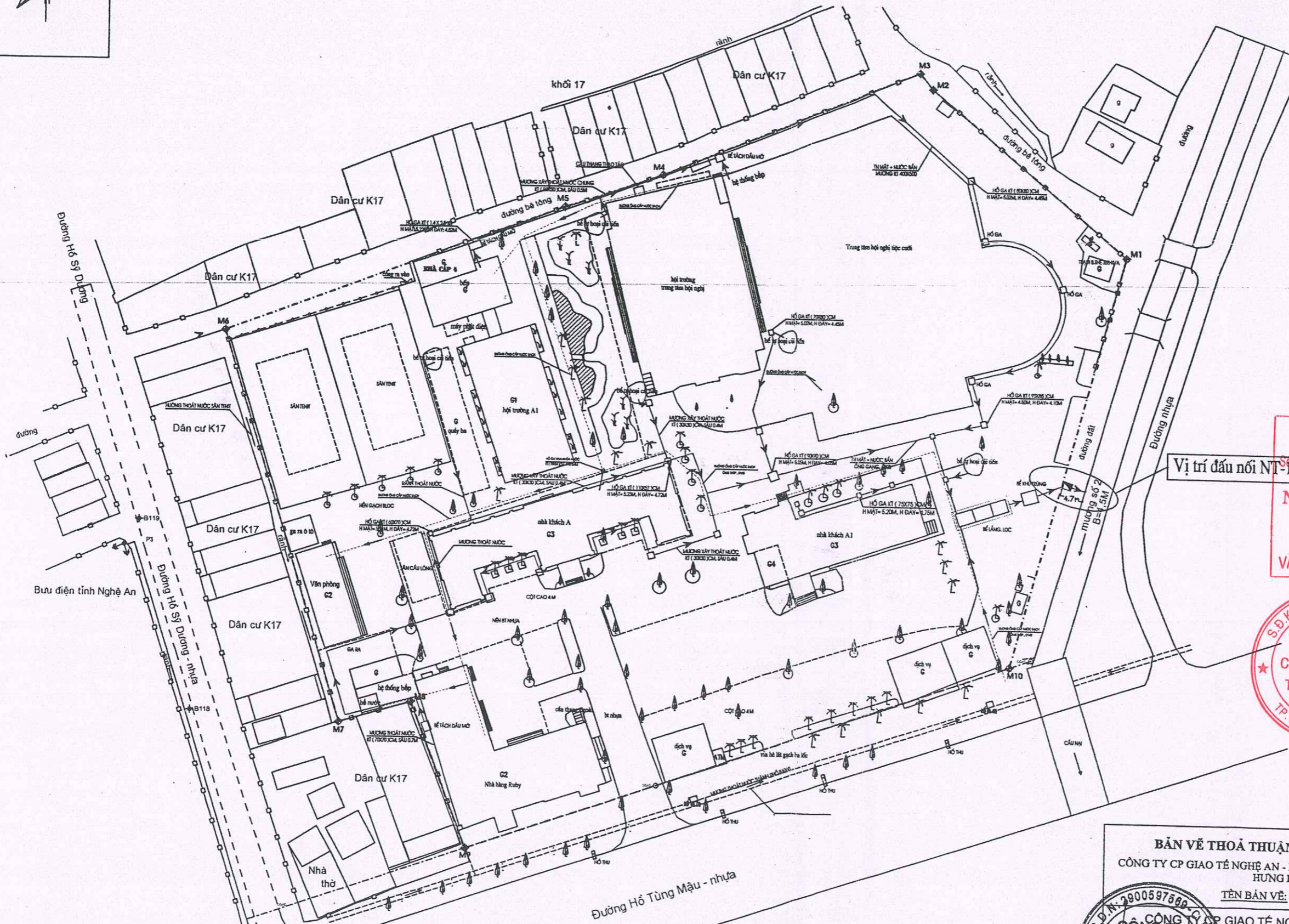
Số chứng thực: 5.100 Ngày cấp: 09/05/2019 SĐT/BS: 897/BS

Lê Văn Hời





SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI VÀO MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THÀNH PHỐ



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU ĐẤT

TÊN ĐIỂM	X (M)	Y (M)
M1	2065361.17	572241.87
M2	2065394.73	572201.67
M3	2065398.04	572198.95
M4	2065376.18	572146.42
M5	2065369.35	572126.58
M6	2065343.23	572057.08
M7	2065263.22	572081.63
M8	2065267.52	572096.47
M9	2065237.74	572108.26
M10	2065276.77	572129.34

RANH GIỚI KHU ĐẤT:
 * RANH GIỚI KHU ĐẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI ĐƯỜNG NỐI CÁC ĐIỂM M1, M2...M10
 CỎ TỔNG DIỆN TÍCH : 18642.14 M²
 - PHÍA BẮC GIỚI: ĐƯỜNG BÊ TÔNG VÀ KHU DẪN CƯ KHỐI 17, HƯỚNG HUNG BÌNH
 - PHÍA NAM GIỚI: ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU
 - PHÍA ĐÔNG GIỚI: ĐƯỜNG ĐẤT VÀ KÊNH THOÁT NƯỚC SÔNG VINH
 - PHÍA TÂY GIỚI: KHU DẪN CƯ KHU DẪN CƯ KHỐI 17 PHƯỜNG HUNG BÌNH

CHỨNG THỰC BÀN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày thực: 09-05-2019
 Quyền số: SCT/BS
NGÀY 09-05-2019
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỞNG THỊ

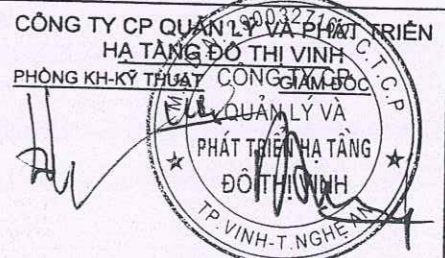


Lê Văn Hợi

BẢN VẼ THỎA THUẬN CẤP PHÉP ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI
 CÔNG TY CP GIAO TẾ NGHỆ AN - KHÁCH SẠN GIAO TẾ - Đ/C: SỐ 09 Đ. HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN
 TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC
 SỐ BẢN VẼ: CP-01/02

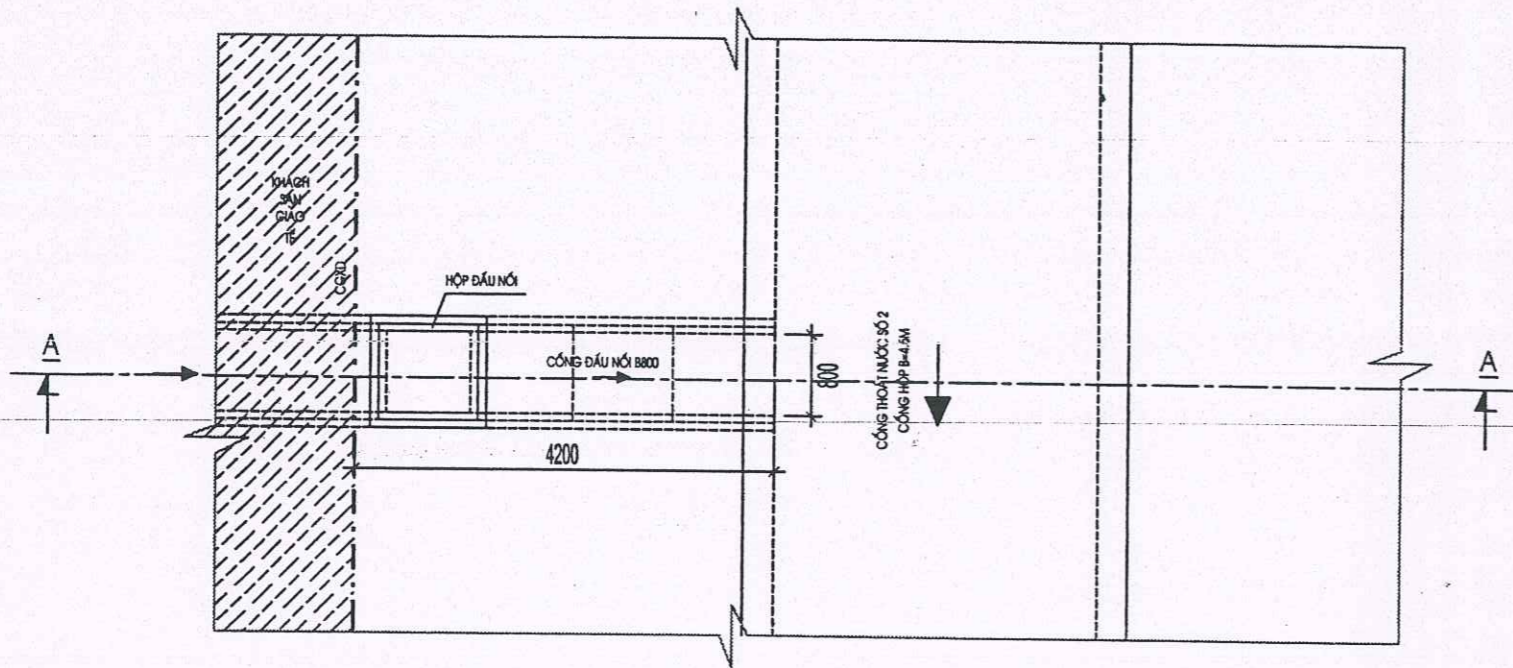


LÊ ĐỨC HẢI

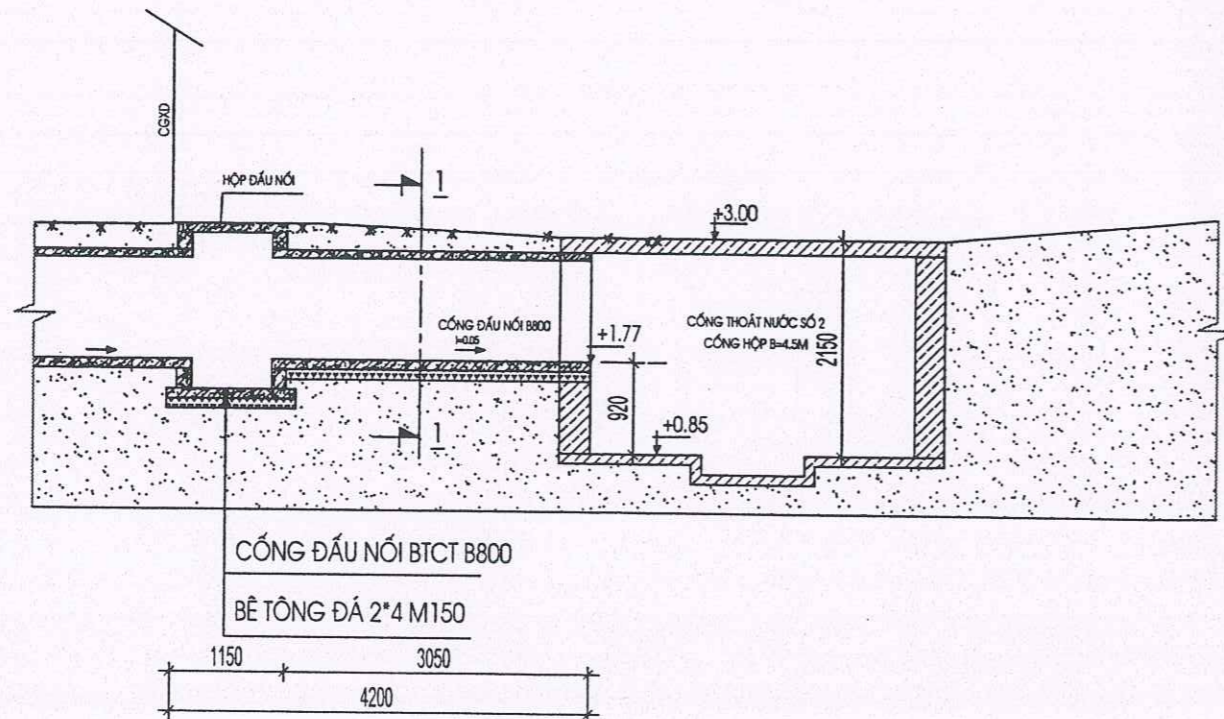


Dinh Tiến Dũng

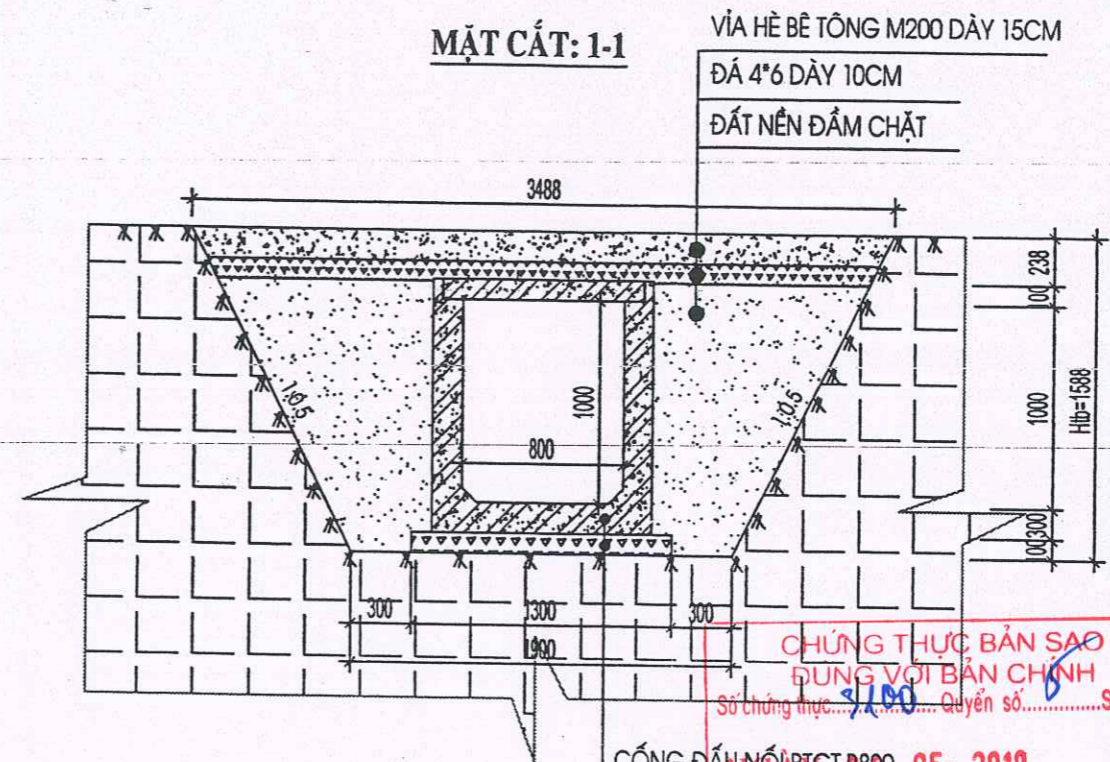
MẶT BẰNG VỊ TRÍ ĐẦU NỐI ĐN 1: THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI



MẶT CẮT: A-A



MẶT CẮT: 1-1



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 3/100 Quyền số: SCT/BS
NGÀY 03-05-2019
CỔNG ĐẦU NỐI BTCT B800 - C5- 2019
BÊ TÔNG ĐÁ 2*4 M150
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỞNG THI

THUYẾT MINH:

- CỔNG ĐẦU NỐI SỬ DỤNG CỔNG HỘP BTCT M200 B800;
- TẠI VỊ TRÍ ĐẦU NỐI CÓ HỘP ĐẦU NỐI ĐỂ LẮNG BÙN, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI;
- ĐƠN VỊ BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M; CAO ĐỘ GIẢ ĐỊNH MỐC CĐ: +3.00



Lê Văn Hợi

BẢN VẼ THỎA THUẬN CẤP PHÉP ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI
CÔNG TY CP GIAO TẾ NGHỆ AN - KHÁCH SẠN GIAO TẾ - Đ/C: SỐ 09 Đ. HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ĐIỂM ĐẦU NỐI SỐ BẢN VẼ: CP-02/02

CÔNG TY CP GIAO TẾ NGHỆ AN KHÁCH SẠN GIAO TẾ
CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ VINH
PHÒNG KH-KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ VINH
QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ VINH
TP. VINH - T. NGHỆ AN

LÊ ĐỨC HẢI

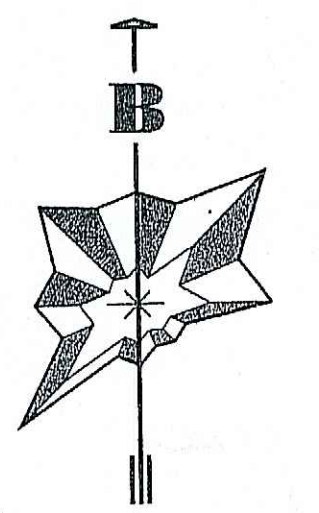
Dinh Tiến Dũng

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

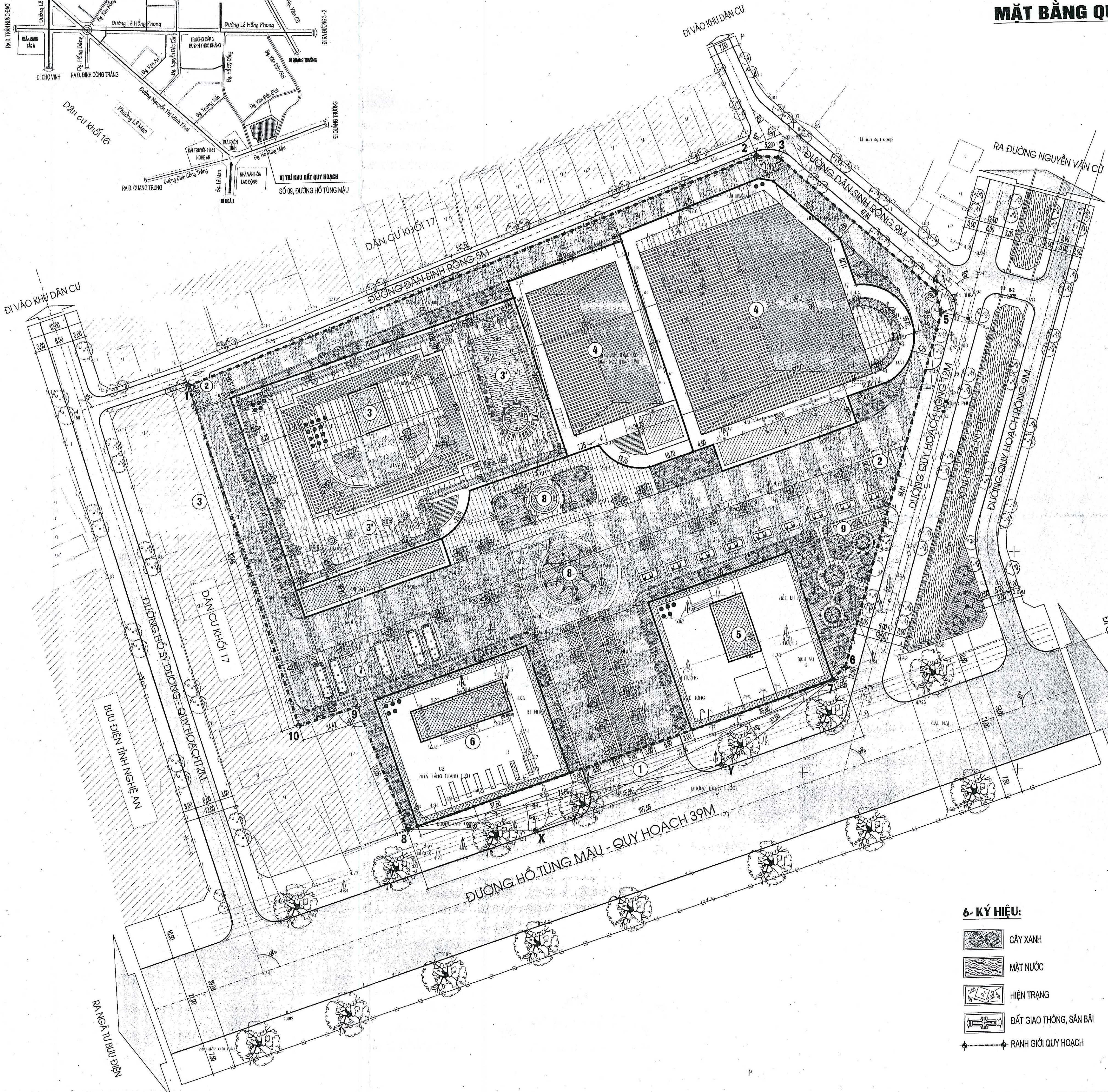
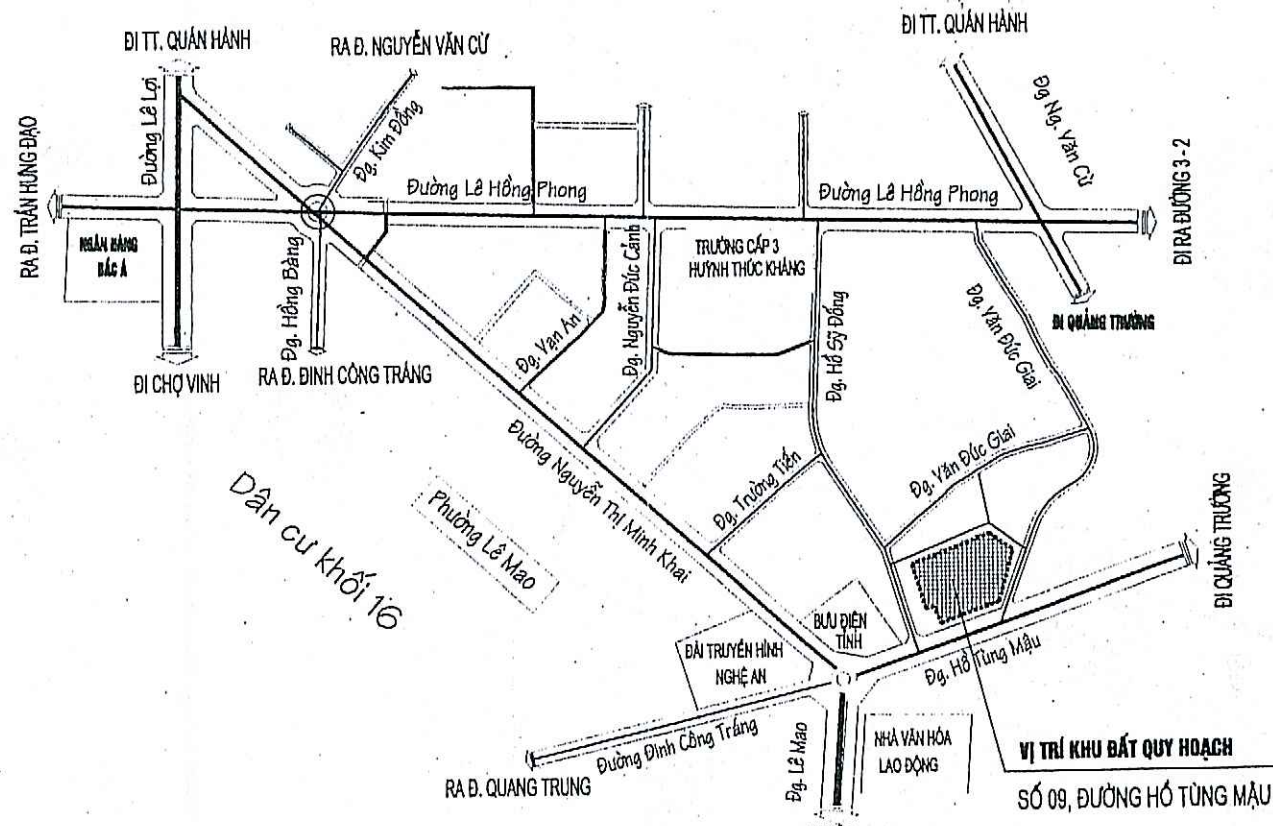
ĐỊA CHỈ : SỐ 09, ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU - PHƯỜNG HUNG BÌNH - TP VINH
 CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ, TỈ LỆ 1/500.

TỶ LỆ XÍCH 0m 5m 10m 15m 20m 25m



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT QUY HOẠCH:



6- KÝ HIỆU:

- CÂY XANH
- MẶT NƯỚC
- HIỆN TRẠNG
- ĐẤT GIAO THÔNG, SÀN BÊ
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

1- CÁC CĂN CỨ ĐỂ THỰC HIỆN:

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 6179/QĐ.UBND-CNTM NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 2014 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN TẠI SỐ 9, ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH;
- CĂN CỨ GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SỐ AB 357812 DO UBND TỈNH NGHỆ AN CẤP NGÀY 20/03/2005 CẤP CHO CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN;
- CĂN CỨ QUY HOẠCH CHI TIẾT PHƯỜNG HUNG BÌNH ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH NGHỆ AN PHÊ DUYỆT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 3301/QĐ.UBND-CN NGÀY 13/7/2009.
- CĂN CỨ VÀO BẢN VẼ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO CÔNG TY TƯ VẤN LẬP THÁNG 8 / 2014.

2- PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH:

- * KHU ĐẤT TẠI SỐ 09, ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH CÓ VỊ TRÍ CỤ THỂ NHƯ SAU:
- PHÍA BẮC GIÁP: ĐƯỜNG DAN SINH;
- PHÍA NAM GIÁP: ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU QUY HOẠCH 39M;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP: ĐƯỜNG QUY HOẠCH 12M;
- PHÍA TÂY GIÁP: KHU DÂN CƯ KHỐI 17 PHƯỜNG HUNG BÌNH;
- * DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (1,2,3,4,5,...,9,10 VÀ 1) = 17.428,50 M².

3- CÁC THÔNG SỐ KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH:

- * DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (1,2,3,4,5,...,9,10 VÀ 1) = 17.428,50 M².
- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 9.752,30 M²;
- DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH, SÂN ĐƯỜNG: 7.676,20 M²;
- MẶT ĐỘ XÂY DỰNG: 55,36%;
- TẦNG CAO CÔNG TRÌNH: 1-18 TẦNG.

4- THUYẾT MINH ĐỊNH VỊ CẮM MỐC RANH GIỚI:

- * LẤY 2 ĐIỂM X VÀ Y LÀ 2 CỘT ĐEN NẪM NGOÀI RANH GIỚI KHU ĐẤT VÀ TRÊN VÍA HẸ TRỰC ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, 2 ĐIỂM X VÀ Y CÁCH NHAU 45,81M
- XÁC ĐỊNH ĐIỂM 8 BẰNG CÁCH: ĐIỂM 8 CÁCH ĐIỂM X KHOẢNG 29,96M; ĐIỂM 8 CÁCH ĐIỂM Y KHOẢNG 74,69M VÀ TẠO GÓC X8Y = 12°.
- XÁC ĐỊNH ĐIỂM 7 BẰNG CÁCH: ĐIỂM 7 CÁCH ĐIỂM X KHOẢNG 77,44M, ĐIỂM 7 CÁCH ĐIỂM Y KHOẢNG 32,50M VÀ TẠO GÓC X7Y = 10°.
- XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM CÒN LẠI DỰA VÀO CÁC CẠNH VÀ GÓC ĐỂ XÁC ĐỊNH.

5- CHÚ THÍCH:

- ① CỔNG VÀO CHÍNH
- ② CỔNG VÀO PHỤ
- ③ KHÁCH SẠN 5 SAO 18 TẦNG, S= 3.293,60M²
- ④ BỂ BƠI, VƯỜN TRÊN Mái TẦNG 5
- ⑤ TRUNG TÂM HỘI NGHỊ TIỆC CƯỚI 2 TẦNG, S= 4.211,20M²
- ⑥ NHÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP 5 TẦNG, S= 1.085,00M²
- ⑦ BÃI ĐÓ XE
- ⑧ ĐÀI PHUN NƯỚC
- ⑨ KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI GẦM, S= 46,80M²

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND TỈNH NGHỆ AN
 Chủ tịch

(Signature)

Kèm Quyết định số 6179-QĐ.UBND-CN ngày 10/11/2014 năm 2014

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG NGHỆ AN

Ph. QL. Quy hoạch

(Signature)
 NGUYỄN ĐÌNH LỢI

Kèm VB Thẩm định số 412-SXD.QLQH ngày 21/1/2015 năm 2015

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

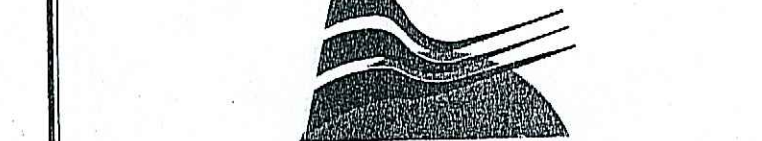
Giám đốc

(Signature)
 LÊ ĐỨC HẢI

Kèm tờ trình xin thẩm định số 11.Cty-T.Tr ngày 1/1/2015 năm 2015

BỘ VI THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐẤT LÀNH



Địa chỉ: Phòng 10-04, tầng 10, Tòa nhà đầu Kênh số 7, Đường Quang Trung, Thành Phố Vinh
 Email: DatLanh.6666@gmail.com.vn
 Điện thoại: 84 - 0966.666756 & 0915.070156

GIÁM ĐỐC: *(Signature)*
 KTS. Nguyễn Hoài Văn

(Signature)
 KTS. Nguyễn Hoài Văn

(Signature)
 THIẾT KẾ, DESIGNER

(Signature)
 KTS. Nguyễn Hồ Hoàng

(Signature)
 KIỂM TRA, CHECKER

(Signature)
 KTS. Nguyễn Đình Tuấn

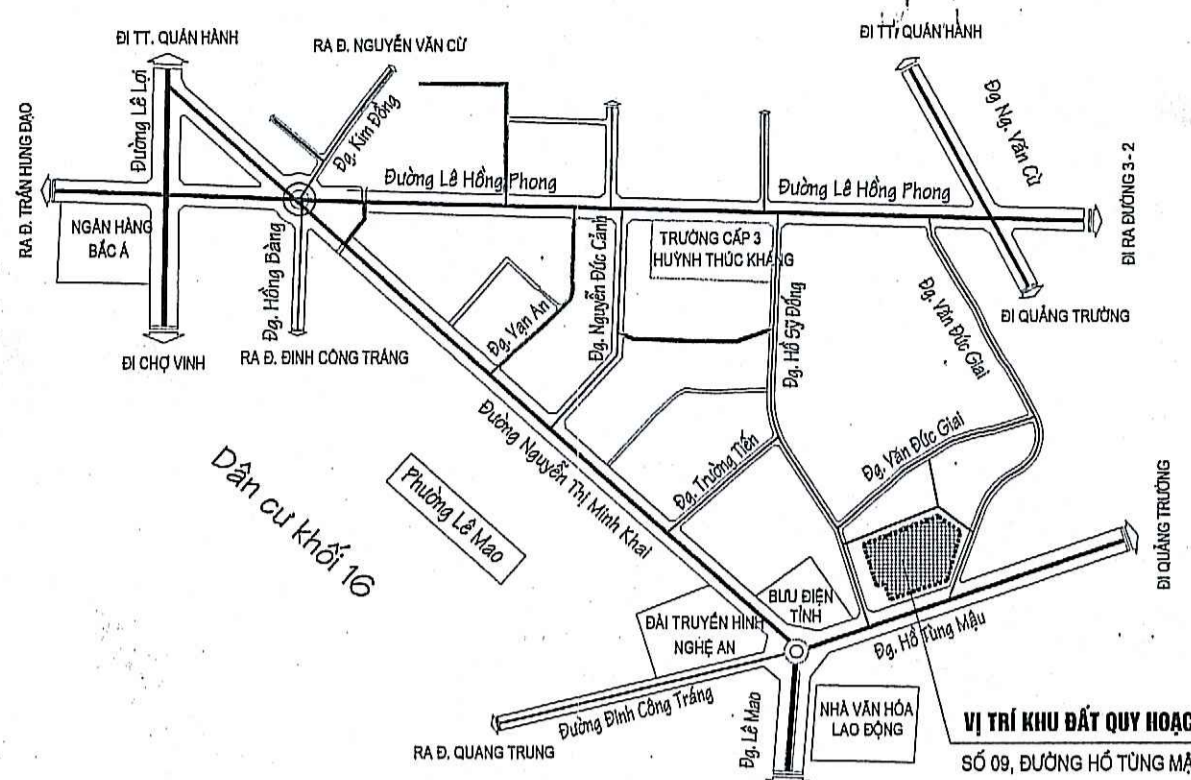
CÔNG TRÌNH: (PROJECT)
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG, TỈ LỆ 1/500 KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

TẠI SỐ 09, ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, TP VINH

BẢN VẼ TKCS:
MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

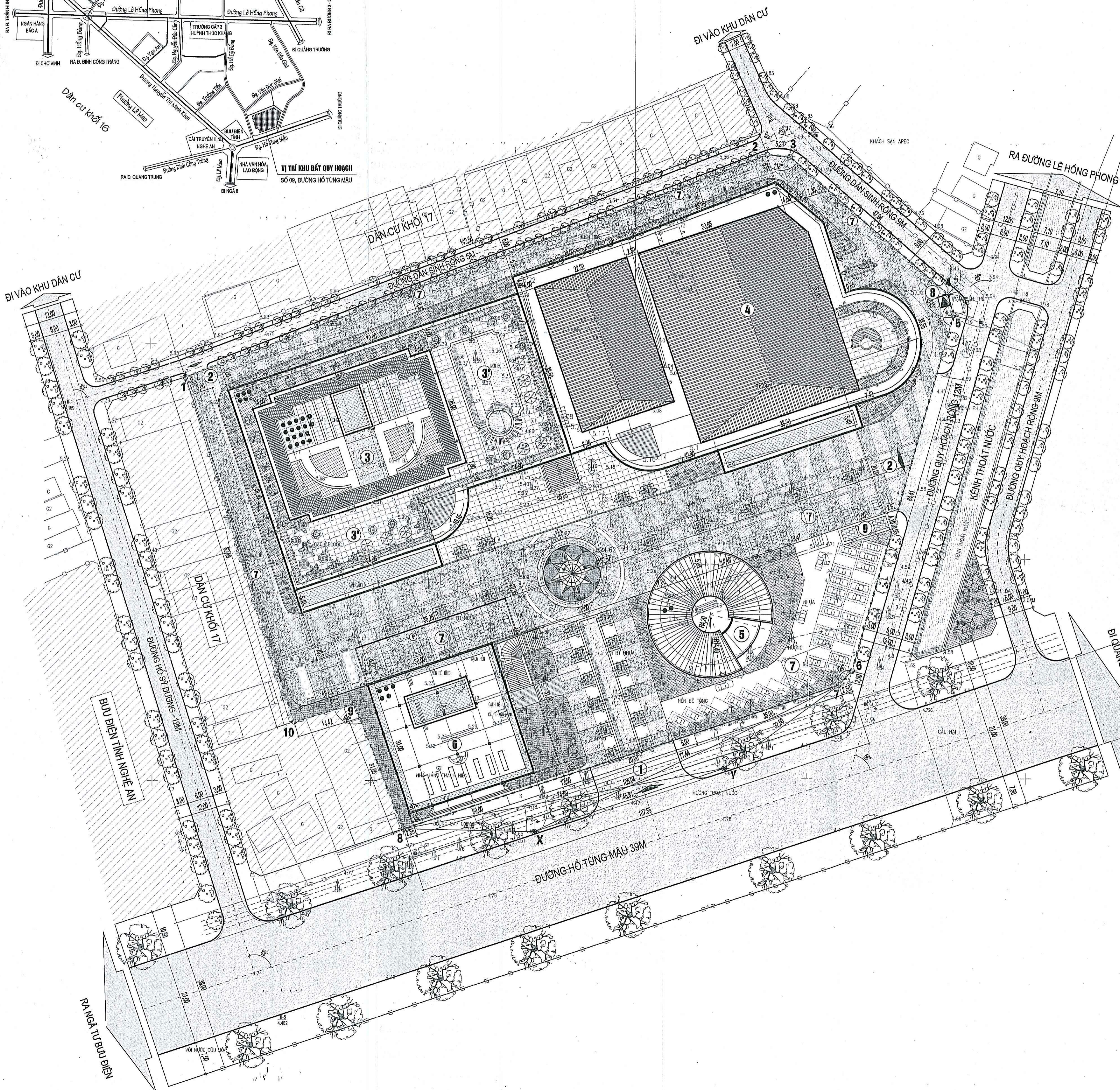
TỈ LỆ (SCALE)	KÝ HIỆU BẢN VẼ:	NGÀY HOÀN THÀNH:
1/500	QH 01/01	THÁNG 11 - 2015

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT QUY HOẠCH:



ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN

ĐỊA CHỈ : SỐ 09, ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, TP VINH MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ, TỈ LỆ 1/500



1- CÁC CĂN CỨ ĐỂ THỰC HIỆN:

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 6187/QĐ.UBND-CN NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2015 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC PHÉ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH LẦN 2 QUY HOẠCH CHI TIẾT XD TỶ LỆ 1/500 KHÁCH SẠN GIAO TẾ TẠI SỐ 9, Đ. HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, TP VINH.

2- PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH:

- * KHU ĐẤT TẠI SỐ 09, ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, PHƯỜNG HUNG BÌNH, THÀNH PHỐ VINH CÓ VỊ TRÍ CỤ THỂ GIÁP RANH NHƯ SAU:
- PHÍA BẮC GIÁP: ĐƯỜNG DẪN SINH;
- PHÍA NAM GIÁP: ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP: ĐƯỜNG QUY HOẠCH 12M;
- PHÍA TÂY GIÁP: KHU DÀN CƯ KHỐI 17 PHƯỜNG HUNG BÌNH;

3- CÁC THÔNG SỐ KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH:

- * DIỆN TÍCH QUY HOẠCH GIỚI HẠN BỞI ĐƯỜNG NỐI CÁC ĐIỂM (1,2,3,4,5,...,9,10 VÀ 1) = 17.428,50 M2.
- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 8.987,98 M2;
- DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH, SÂN ĐƯỜNG: 8.440,52M2;
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 51,57%;
- TẦNG CAO CÔNG TRÌNH: 2-18 TẦNG.

4- CHỮ THÍCH:

- ① CỔNG VÀO CHÍNH
② CỔNG VÀO PHỤ
③ KHÁCH SẠN 5 SAO 18 TẦNG, S= 3.293,57M2 VÀ 1 TẦNG HẦM (XÂY DỰNG MỚI)
④ BỂ BƠI, VƯỜN TRÊN MÁI TẦNG 5
⑤ TRUNG TÂM HỘI NGHỊ TIỆC CƯỚI 2 TẦNG, S= 4.066,17M2 (ĐÃ XÂY DỰNG)
⑥ NHÀ HÀNG CAO 2 TẦNG, S= 651,44M2 (ĐIỀU CHỈNH QHXD MỚI)
⑦ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI 5 TẦNG, S= 930M2 VÀ 1 TẦNG HẦM (XÂY DỰNG MỚI)
⑧ BÃI ĐỖ XE
⑨ TRẠM BIẾN ÁP TREO
⑩ KHU BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI NGẦM, S= 46,80M2

5- THUYẾT MINH ĐỊNH VỊ CẤM MỐC RANH GIỚI:

- * LẤY 2 ĐIỂM X VÀ Y LÀ 2 CỘT BÊN NĂM NGOÀI RANH GIỚI KHU ĐẤT VÀ TRÊN VÍA HÈ TRỰC ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU, 2 ĐIỂM X VÀ Y CÁCH NHAU 45,81M
- XÁC ĐỊNH ĐIỂM 8 BẰNG CÁCH: ĐIỂM 8 CÁCH ĐIỂM X KHOẢNG 29,96M; ĐIỂM 8 CÁCH ĐIỂM Y KHOẢNG 74,69M VÀ TẠO GÓC X8Y = 12°.
- XÁC ĐỊNH ĐIỂM 7 BẰNG CÁCH: ĐIỂM 7 CÁCH ĐIỂM X KHOẢNG 77,44M, ĐIỂM 7 CÁCH ĐIỂM Y KHOẢNG 32,50M VÀ TẠO GÓC X7Y = 10°.
- XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM CÒN LẠI DỰA VÀO CÁC ĐẠNH VÀ GÓC ĐỀ XÁC ĐỊNH.

6- KÝ HIỆU:

- CÂY XANH
MẶT NƯỚC
HIỆN TRẠNG
ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÃI
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRẠM BIẾN ÁP

Administrative stamps and signatures from the Provincial People's Committee, City People's Committee, District People's Committee, and the project's design and construction company (DatLanh Land).



CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN VĂN THỎA

Table with 3 columns: TỈ LỆ (SCALE) 1/500, KÝ HIỆU BẢN VẼ: QH 01/01, NGÀY HOÀN THÀNH: THÁNG 04 - 2021